

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

VŨ THỊ UYÊN

**THẨM QUYỀN CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
PHỨC THẨM ĐỐI VỚI BẢN ÁN SƠ THẨM  
TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự**

**Mã số : 60 38 01 04**

**LUẬN VĂN THẠC SỸ LUẬT HỌC**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Hoàng Thị Minh Sơn**

**HÀ NỘI, 2016**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam kết luận văn này là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của tôi. Các tài liệu, tư liệu được sử dụng trong luận văn có nguồn dẫn rõ ràng, các kết quả nghiên cứu là quá trình lao động trung thực của tôi.

*Hà Nội, Ngày 25 tháng 07 năm 2016*

**TÁC GIẢ LUẬN VĂN**

**Vũ Thị Uyên**

## MỤC LỤC

|  |           |
|--|-----------|
| <b>MỞ ĐẦU .....</b>  | <b>1</b>  |
| <b>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THẨM QUYỀN CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM ĐỐI VỚI BẢN ÁN SƠ THẨM .....</b>   | <b>7</b>  |
| 1.1. Khái niệm, đặc điểm thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm .....  | 7         |
| 1.2. Cơ sở và nội dung thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm .....   | 15        |
| <b>Chương 2: QUY ĐỊNH VỀ THẨM QUYỀN CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM ĐỐI VỚI BẢN ÁN SƠ THẨM TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM .....</b>  | <b>23</b> |
| 2.1. Những quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 về thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm .....  | 23        |
| 2.2. Những quy định mới của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 về thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm .....  | 49        |
| <b>Chương 3: THỰC TIỄN THI HÀNH VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN THẨM QUYỀN CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM.....</b>   | <b>54</b> |
| 3.1. Những kết quả đạt được trong quá trình thực hiện thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm.....   | 54        |
| 3.2. Những hạn chế, vướng mắc trong việc thực hiện thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.....  | 58        |
| 3.3. Nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn thi hành các quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm..... | 59        |
| 3.4. Giải pháp nhằm tăng cường các biện pháp bảo đảm thực hiện thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm .....   | 66        |
| <b>KẾT LUẬN .....</b>  | <b>70</b> |
| <b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>  | <b>72</b> |

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

|        |                         |
|--------|-------------------------|
| BLHS   | Bộ luật hình sự         |
| HĐXX   | Hội đồng xét xử         |
| TANDTC | Tòa án nhân dân tối cao |
| TTHS   | Tổ tụng hình sự         |

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Đã hơn 10 năm, kể từ khi Bộ luật TTHS 2003 có hiệu lực, pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam đã có những bước đi rất dài, có những thành tựu to lớn trong công cuộc đấu tranh và phòng chống tội phạm. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, cuộc sống bình yên của nhân dân, sự phát triển kinh tế, sự hội nhập văn hóa, tất cả được cân bằng và giữ vững bởi cán cân của pháp luật. Việt Nam, là một đất nước “ cần bình yên”, là đất nước chỉ có “ một Đảng”, là đất nước vô cùng trọng Hiến và lấy tư tưởng chỉ đạo của Đảng là kim chỉ nam cho công cuộc dựng nước và giữ nước.

“ *Cải cách tư pháp*” đã và đang là một trong những chủ trương lớn của Đảng, đây là một chiến lược cần được xây dựng và đánh một cách trực diện, đồng bộ vào hệ thống tư pháp, không hẳn vì pháp luật của chúng ta đang sai hay đã sai, mà xã hội đã thay đổi quá nhiều với tốc độ quá chóng mặt, hệ thống tư pháp của chúng ta đang thụt lùi so với những gì đang diễn ra trên bình diện đất nước Việt Nam quá nhiều. Cải cách tư pháp nên bắt đầu từ trung tâm hệ thống tư pháp là “ Tòa án” cụ thể hơn là chức năng xét xử của Tòa án. Thực hiện chủ trương của Đảng và nhà nước về cải cách tổ chức, nâng cao chất lượng và hoạt động của các cơ quan tư pháp... sắp xếp lại hệ thống TAND, phân định hợp lý thẩm quyền của Tòa án các cấp. Bộ luật TTHS 2015 ra đời, với sự chuyển mình rõ rệt trong chế định về thẩm quyền xét xử của Tòa án các cấp, đã phần nào thể chế hóa chủ trương đường lối của Đảng đề ra tại các nghị quyết số 08 – NQ/TW ngày 02-01-2002 của Bộ chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới, nghị quyết số 48 – NQ/TW ngày 24 – 5 - 2005 của Bộ chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm

2020, nghị quyết số 49 – NQ/TW ngày 02 – 6 -2005 của Bộ chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Tất cả đều nhấn mạnh đổi mới thủ tục xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm, nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa, bảo đảm khi xét xử Tòa án là nơi thể hiện sự dân chủ, công khai, tạo điều kiện cho các chủ thể tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Có rất nhiều nội dung thay đổi từ Bộ luật TTHS 2003 đến Bộ luật TTHS 2015 trong phần xét xử sơ thẩm và phúc thẩm vụ án hình sự như: Sửa đổi bố cục của phần xét xử sơ thẩm và xét xử phúc thẩm; quy định đầy đủ, cụ thể nội dung các văn bản tố tụng và việc giao, gửi các văn bản này cho các chủ thể tố tụng; sửa đổi các quy định để đảm bảo nguyên tắc tranh tụng trong xét xử... Một trong những điểm mới đáng kể đến là sự quy định đầy đủ về thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm nhằm khắc phục những vướng mắc hiện nay do Hội đồng xét xử phúc thẩm không có đầy đủ thẩm quyền trong việc hủy, sửa bản án sơ thẩm nên phải kiến nghị Tòa án cấp trên kháng nghị theo thủ tục Giám đốc thẩm, làm kéo dài vụ án không cần thiết.

*Thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam* không phải là một vấn đề mới, nhưng lại là vấn đề có nhiều thay đổi và cần được thay đổi. Đặc biệt, tại thời điểm giao thoa giữa luật tố tụng mới và cũ như hiện nay, thì đây là một vấn đề cần được bàn, và nghiên cứu nhiều hơn. Đứng từ góc nhìn khách quan nhất của một luật sư, tác giả đã lựa chọn đề tài này nghiên cứu và thu hoạch lại thành luận văn Thạc sĩ luật học của mình. Với hi vọng, từ những sự tìm hiểu này, sẽ giải thích được luật nhiều hơn cho những người cần sự trợ giúp của pháp luật.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm đã có không ít công trình nghiên cứu đề cập đến, cụ thể như sau:

Những vấn đề chung về thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm được đề cập đến trong một số giáo trình, tài liệu chuyên ngành như: Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam của trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb Công an nhân dân năm 2013; Bình luận khoa học Bộ luật TTHS của PGS. TS Võ Khánh Vinh, Nhà xuất bản công an nhân dân 2004.

Một số công trình nghiên cứu khoa học, nghiên cứu lý luận và thực tiễn ở những mức độ khác nhau đề cập đến các vấn đề về tổ chức và hoạt động của Tòa án, thủ tục tố tụng, thẩm quyền của tòa án mỗi cấp... Trong số các công trình nghiên cứu khoa học phải kể đến công trình của Viện kiểm sát nhân dân tối cao năm 1995 “ *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của tố tụng hình sự Việt Nam*” hay “ *Tư pháp hình sự so sánh*” của Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý 1999. Luận án tiến sỹ: “ *Nguyên tắc hai cấp xét xử trong TTHS Việt Nam*” của tác giả Vũ Gia Lâm ( 2008), luận văn thạc sỹ “ *Phạm vi xét xử phúc thẩm của tòa án nhân dân theo bộ luật TTHS 2003*” của tác giả Ngô Thị Trang (2007); luận văn thạc sỹ “ *Giới hạn xét xử trong TTHS Việt Nam*” của tác giả Ngô Thị Ánh ( 2007); Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường (2003), “ *Giai đoạn xét xử trong tố tụng hình sự Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*” của Trường đại học Luật Hà Nội....

Ngoài ra, còn có những công trình nghiên cứu trực tiếp, chuyên sâu về đề tài như “ *Xét xử phúc thẩm trong luật TTHS Việt Nam*” của tác giả Đinh Văn Quế, Nxb Chính trị quốc gia năm 1998; luận án tiến sỹ “ *Phúc thẩm trong tố tụng hình sự*” của tác giả Nguyễn Đức Mai (2004); luận án Tiến sỹ “ *Thẩm quyền của Tòa án các cấp theo luật TTHS Việt Nam*” của tác giả Nguyễn Văn Huyền ( 2002).....

Bên cạnh đó, còn có nhiều bài nghiên cứu đăng trên các tạp chí chuyên ngành luật có liên quan đến vấn đề này như: “ *Hoàn thiện một số quy định về xét xử phúc thẩm hình sự nhằm thực hiện có hiệu quả nguyên tắc hai cấp xét xử*” của tác giả Vũ Gia Lâm (Tạp chí tòa án nhân dân số 23/2006); “ *Bàn về*

*quyền kháng cáo, kháng nghị và xét xử phúc thẩm theo hướng tăng nặng đối với bị cáo*” của tác giả Nguyễn Văn Trọng (tạp chí Kiểm sát số 01/2010); *“Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng điều khoản Bộ luật TTHS về tội nặng hơn những vấn đề lý luận và thực tiễn”* của tác giả Đinh Văn Quế (Tạp chí Tòa án nhân dân số 5/2008); *“Một số vấn đề cần chú ý khi áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự”* của tác giả Đinh Văn Quế (Tạp chí Tòa án nhân dân số 04/2010); *“Quyền hạn của Tòa án khi xét xử phúc thẩm”* của tác giả Hoàng Thị Sơn (tạp chí Luật học số 6/1997)...

Ở những công trình nghiên cứu trên, phần nào đã bao quát và tổng hợp nhiều vấn đề lý luận cũng như thực tiễn về thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam. Tuy nhiên, thời điểm nghiên cứu của các công trình trên là trước khi Bộ luật TTHS 2015 ra đời, nên tại bài nghiên cứu này, sẽ đề cập đến những vấn đề mới về thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm, sự mở rộng thẩm quyền cho HĐXX phúc thẩm trong luật mới. Nghiên cứu sự giao thoa giữa luật mới và luật cũ, cho thấy sự kế thừa và phát triển trong pháp luật đã đi đến đâu.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

Mục đích nghiên cứu của luận văn là trên cơ sở nghiên cứu lý luận, quy định của pháp luật và thực tiễn về thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm, luận văn đưa ra những giải pháp bảo đảm thực hiện thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm trong tố tụng hình sự.

Để đạt được mục đích nêu trên, luận văn cần phải giải quyết những nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu một số vấn đề lý luận để làm rõ khái niệm thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm, căn cứ xác định thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm.

- Phân tích các quy định của Bộ luật TTHS 2003 và Bộ luật TTHS 2015 về thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm



- Nghiên cứu thực tiễn áp dụng các quy định của Bộ luật TTHS 2003 về thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm, rút ra kinh nghiệm áp dụng Bộ luật TTHS 2015 về thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm trong thời gian tới.

- Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là những vấn đề lý luận về thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm, quy định của pháp luật về thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm, thực tiễn thi hành quy định của pháp luật về thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm. Cùng với thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm, luận văn cũng đề cập đến thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm đối với quyết định sơ thẩm trong một giới hạn nhất định.

Trong phạm vi của một luận văn Thạc sỹ, chúng tôi tập trung nghiên cứu quy định của Bộ luật TTHS năm 2003, đối chiếu với Bộ luật TTHS năm 2015 về thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm và thực tiễn khi áp dụng quy định của Bộ luật TTHS năm 2003 từ khi luật tổ chức Tòa án nhân dân có hiệu lực.

#### **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

Luận văn được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác – Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về nhà nước và pháp luật, về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, về cải cách tư pháp và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Các phương pháp nghiên cứu cụ thể được sử dụng đó là: Phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh, lịch sử và khảo sát thực tiễn cũng như tham khảo ý kiến chuyên gia để giải quyết những vấn đề đặt ra

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

Luận văn là công trình nghiên cứu một cách hệ thống, tương đối toàn diện và đầy đủ về thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm về mặt lý luận và thực tiễn trong tổ tụng hình sự Việt Nam.

Từ những sự nghiên cứu, tìm tòi và so sánh trong luận văn, chúng tôi hi vọng luận văn góp phần bổ sung và làm rõ hơn lý luận về thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm; đóng góp thiết thực để Bộ luật TTHS 2015 nói chung và chế định về thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm đi vào thực tế một cách sắc bén tạo ra những kết quả tốt cho công tác xét xử.

## **7. Cơ cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn được chia thành ba chương. Cụ thể là:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm

Chương 2: Quy định của pháp luật về thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm trong tổ tụng hình sự Việt Nam

Chương 3: Thực tiễn thi hành và giải pháp bảo đảm thực hiện thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm.

## Chương 1

# NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THẨM QUYỀN CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM ĐỐI VỚI BẢN ÁN SƠ THẨM

### 1.1. Khái niệm, đặc điểm thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm

Trong khoa học tố tụng hình sự, thẩm quyền ra quyết định của Tòa án tại phiên tòa thuộc về Hội đồng xét xử. Vì vậy, khái niệm thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm được xác định dựa trên cơ sở khái niệm thẩm quyền của Tòa án cấp phúc thẩm, bởi việc trực tiếp tiến hành các thủ tục xét xử phúc thẩm và ra bản án để giải quyết vụ án hình sự là vai trò của HĐXX theo sự phân công của Chánh án tòa án cấp phúc thẩm.

Tòa án là nơi thể hiện tập trung nhất của quyền tư pháp – nơi mà kết quả của hoạt động điều tra, công tố, bào chữa... được kiểm tra, xem xét một cách công khai thông qua thủ tục tố tụng do luật định để đưa ra những phán quyết cuối cùng mang tính chất quyền lực nhà nước, nơi phản ánh một cách đầy đủ và sâu sắc nhất nền công lý của xã hội. Vậy thẩm quyền của tòa án là gì?

Thẩm quyền là một khái niệm thuộc về khoa học pháp lý. Theo đó, thẩm quyền được hiểu là quyền xem xét để kết luận và định đoạt một vấn đề theo pháp luật [43, tr 890], là quyền chính thức được xem xét để kết luận và định đoạt, quyết định một vấn đề [6, tr701]. Thẩm quyền trong tố tụng hình sự Việt Nam còn có thể được hiểu là tập hợp các quy định pháp luật hình sự liên quan đến việc giao vụ án...cho cấp Tòa án nào giải quyết, phạm vi các vấn đề cần giải quyết và quyền ra quyết định của Tòa án...trong quá trình giải quyết vụ án [7].

Trong tố tụng hình sự, khái niệm thẩm quyền của Tòa án được xem xét ở những góc độ khác nhau, nhưng nhìn chung lại thì thẩm quyền của Tòa án bao gồm các quyền khác nhau của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Thẩm quyền của Tòa án có thể phân thành thẩm quyền về mặt hình thức - được thể hiện ở quyền hạn xem xét và phạm vi xem xét, tức là xác định xem những vấn đề gì thuộc thẩm quyền xem xét của Tòa án, Tòa án được xem xét vấn đề đó trong phạm vi, giới hạn nào, và thẩm quyền về mặt nội dung - thể hiện ở quyền hạn giải quyết, việc ra quyết định đối với các vấn đề đã xem xét. Đây là hai nội dung có mối quan hệ không thể tách rời, thẩm quyền xét xử, giới hạn và phạm vi xét xử là cơ sở để xác định thẩm quyền quyết định của tòa án vì tòa án chỉ có thể quyết định những vấn đề được xem xét trong phạm vi giới hạn nhất định. Ngược lại, những vấn đề thuộc thẩm quyền xem xét của Tòa án sẽ chỉ có ý nghĩa khi được giải quyết bằng những quyết định của HĐXX.

Theo đó, khái niệm thẩm quyền của Tòa án được xác định là: tổng hợp các quyền mà pháp luật quy định cho tòa án được xét xử những vụ án cụ thể và quyết định những vấn đề nội dung vụ án theo quy định pháp luật [10].

Mỗi cấp tòa án được pháp luật giành cho các quyền hạn hay thẩm quyền khác nhau trong việc xét xử các vụ án. Theo cấp giải quyết vụ án, thẩm quyền của Tòa án được phân thành thẩm quyền của Tòa án cấp sơ thẩm, thẩm quyền của tòa án cấp phúc thẩm, thẩm quyền của tòa án cấp giám đốc thẩm hoặc tái thẩm. Theo tính chất của vụ án, thẩm quyền của Tòa án được phân thành thẩm quyền về hình sự, thẩm quyền về dân sự, thẩm quyền về hành chính, thẩm quyền về kinh tế, thẩm quyền về lao động. Thẩm quyền của Tòa án cấp phúc thẩm là một vấn đề lớn, có nội dung phức tạp, có liên quan đến nhiều chế định quan trọng khác của tố tụng hình sự. Trong tố tụng hình sự, thẩm quyền của tòa án cấp phúc thẩm cũng bao gồm hai mặt có mối quan hệ biện chứng với nhau, đó là thẩm quyền về mặt nội dung và thẩm quyền về mặt hình thức. Thẩm quyền về mặt hình thức của Tòa án cấp phúc thẩm xác định các vụ án hình sự, các bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm nào thuộc thẩm quyền xem xét của tòa án cấp phúc thẩm và giới hạn – phạm vi,

mức độ xem xét của Tòa án cấp phúc thẩm đối với vụ án đó. Hay nói cách khác, thẩm quyền về mặt hình thức xác định Tòa án cấp phúc thẩm có quyền xem xét cái gì, ở mức độ, giới hạn nào. Thẩm quyền về nội dung của Tòa án cấp phúc thẩm xác định các quyền của Tòa án cấp phúc thẩm trong việc quyết định các vấn đề cụ thể của vụ án khi xem xét chúng. Thẩm quyền xem xét (thẩm quyền về hình thức) của tòa án cấp phúc thẩm bao gồm thẩm quyền xét xử phúc thẩm và phạm vi xét xử phúc thẩm. Thẩm quyền quyết định (thẩm quyền về nội dung) của Tòa án cấp phúc thẩm thể hiện ở các quyền hạn của Tòa án khi xét xử theo thủ tục phúc thẩm các vụ án bị kháng cáo hoặc kháng nghị. Thẩm quyền về nội dung và thẩm quyền về hình thức của tòa án cấp phúc thẩm có mối quan hệ mật thiết với nhau. Thẩm quyền về hình thức của Tòa án cấp phúc thẩm là cơ sở xác định thẩm quyền về nội dung của nó, ngược lại, những vấn đề thuộc thẩm quyền xem xét của tòa án cấp phúc thẩm chỉ có ý nghĩa khi được giải quyết bằng những quyết định cụ thể về vụ án đó. Mặt khác, khi xem xét các vụ án hình sự, tòa án cấp phúc thẩm còn phải căn cứ vào các quy định của pháp luật hình sự, pháp luật dân sự để ra quyết định cụ thể về vụ án

Khái niệm xét xử phúc thẩm là một từ ghép bao gồm: “xét xử” và “phúc thẩm”. Khái niệm “phúc thẩm” đã từng được hiểu rất khác nhau. Theo từ điển Tiếng Việt của Viện ngôn ngữ học thì phúc thẩm là một động từ có ý nghĩa tòa án cấp trên xét xử lại một vụ án do cấp dưới đã xử sơ thẩm mà có chống án [43, tr. 790 -791]. Theo từ điển giải thích thuật ngữ luật học của Trường Đại học luật Hà Nội thì phúc thẩm là việc tòa án cấp trên trực tiếp xét lại bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật của tòa án cấp dưới bị kháng cáo hoặc bị kháng nghị [6, tr. 209 – 210]. Nhìn một cách tổng quan hơn, tố tụng hình sự là một quá trình bao gồm nhiều giai đoạn khác nhau trong đó có giai đoạn xét xử. Nếu phân nhỏ giai đoạn xét xử thành các giai đoạn nhỏ hơn thì phúc thẩm có thể được hiểu là một giai đoạn trong tố tụng hình sự, nếu căn cứ và

cách thức tổ chức hệ thống tòa án nước ta, trong đó án cấp trên có thẩm quyền xét xử lại vụ án sau khi đã có bản án quyết định của tòa án cấp dưới chưa có hiệu lực pháp luật nhưng bị kháng cáo, kháng nghị thì phúc thẩm có thể được xem xét như một cấp xét xử thứ hai trên cấp xét xử sơ thẩm.

Khái niệm Hội đồng xét xử, về bản chất là Hội đồng bao gồm các Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân do Tòa án có thẩm quyền lập ra để nhân danh Nhà nước trực tiếp xét xử lại phiên tòa các vụ án và ra các bản án hoặc quyết định đối với các vụ án [6, tr. 384].

Hội đồng xét xử phúc thẩm có những điểm khác biệt so với HĐXX sơ thẩm và giám đốc thẩm, tái thẩm. Trong thành phần HĐXX sơ thẩm, việc hội thẩm tham gia là một nguyên tắc bắt buộc để đảm bảo tính nhân dân trong hoạt động xét xử, góp phần tăng cường quan hệ giữa tòa án và nhân dân, để đảm bảo cho công tác xét xử được chính xác, đảm bảo sự kết hợp giữa kiến thức chuyên môn của thẩm phán và kinh nghiệm thực tế của hội thẩm làm cho công tác xét xử đúng người, đúng tội, vừa có tình, vừa có lý, nâng cao hiệu quả giáo dục của xét xử. Để đảm bảo việc hội thẩm tham gia không chỉ là hình thức, pháp luật quy định số lượng hội thẩm trong HĐXX sơ thẩm bao giờ cũng chiếm đa số. Khi xét xử phúc thẩm, tòa án cấp phúc thẩm kiểm tra, đánh giá tính hợp pháp và tính có căn cứ của bản án sơ thẩm, xem xét vụ án về mặt nội dung trong phạm vi quyền hạn của mình, khắc phục những thiếu sót của tòa án cấp sơ thẩm. Do đó, thành phần HĐXX phúc thẩm cần phải có tính chuyên môn cao, vững chắc so với cấp xét xử thứ nhất thể hiện ở số lượng thẩm phán tham gia xét xử, đó là thành phần HĐXX phúc thẩm gồm 3 thẩm phán không được thay thế thẩm phán bằng hội thẩm. Trong trường hợp cần thiết, nếu có mời hội thẩm nhưng số hội thẩm không vượt quá số thẩm phán, theo Điều 244 Bộ luật TTHS 2003. Những trường hợp cần thiết phải mời thêm hội thẩm là những vụ án nghiêm trọng, đông bị cáo, những vụ án mà bị cáo là người có chức sắc trong tôn giáo hoặc dân tộc ít người, hành vi

của bị cáo liên quan đến chính sách dân vận, đoàn kết dân tộc của Đảng và nhà nước ta hoặc bị cáo chưa thành niên mà thẩm phán không am hiểu nhiều về đối tượng chưa thành niên. Trong những trường hợp như vậy, sự tham gia của Hội thẩm có kinh nghiệm về những vấn đề đó là điều cần thiết và nhằm đảm bảo cho việc xét xử phúc thẩm những vụ án này toàn diện, khách quan và chính xác. Việc xét xử phúc thẩm có sự tham gia của Hội thẩm cũng là điểm khác biệt giữa thủ tục phúc thẩm và thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm. Do tính chất của giám đốc thẩm, tái thẩm là xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của tòa án về mặt áp dụng pháp luật mà không xét xử về nội dung, vì vậy thành phần HĐXX không có hội thẩm tham gia. Theo quy định của tại điều 103 Hiến pháp 2013 thì việc cơ cấu hội thẩm vào HĐXX phúc thẩm không đặt ra và khi thay đổi bộ luật tố tụng hình sự, thì luật tố tụng hình sự 2015 cũng quy định rõ tại Khoản 2 Điều 254 là: Hội đồng xét xử phúc thẩm bao gồm ba thẩm phán.

Việc nghiên cứu để đưa ra khái niệm chính xác về thẩm quyền của tòa án, cũng như thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm có ý nghĩa quan trọng trong việc phân định quyền hạn trong bộ máy nhà nước nói chung và tòa án nói riêng. Để làm rõ hơn thế nào là thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm, chúng ta cần nghiên cứu về đặc điểm thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm.

- Về chủ thể thực hiện thẩm quyền xét xử phúc thẩm: Việc trực tiếp tiến hành các thủ tục xét xử phúc thẩm và ra bản án để giải quyết các vụ án hình sự là vai trò của HĐXX theo sự phân công của Chánh án Tòa án cấp phúc thẩm. Chủ thể thực hiện thẩm quyền này là những người được bổ nhiệm thẩm phán tại tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Tòa án nhân dân cấp cao, những tòa án có thẩm quyền xét xử phúc thẩm những vụ án hình sự. Chánh tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ủy quyền cho chánh tòa nhân dân cấp cao quyết định

lựa chọn và phân công nhiệm vụ cho 3 thẩm phán (theo luật tố tụng hình sự 2015), trong trường hợp thông thường (và thêm 2 Hội thẩm trong trường hợp cần thiết) để thành lập HĐXX phúc thẩm để xét xử vụ án hình sự (Theo luật tố tụng hình sự 2003).

- Cơ sở phát sinh thẩm quyền: Thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm được phát sinh trong nhiệm vụ giải quyết từng vụ án cụ thể, được Chánh án Tòa án cấp phúc thẩm phân công. Đó là những vụ án mà bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật do bị kháng cáo, kháng nghị của những người có quyền kháng cáo, kháng nghị. Những kháng cáo, kháng nghị hợp pháp là căn cứ để bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật và cũng là cơ sở phát sinh thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm.

- Đối tượng của thẩm quyền xét xử phúc thẩm: HĐXX phúc thẩm có quyền xem xét và quyết định đối với bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị. Đối với các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị thì HĐXX phúc thẩm chỉ xem xét trong trường hợp xét thấy cần thiết. Bản án hoặc quyết định sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Sau khi hết thời hạn theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự mà không có bất kì kháng cáo, kháng nghị nào tức là những người có quyền kháng cáo và kháng nghị đã thừa nhận tính đúng đắn, phù hợp của bản án, quyết định sơ thẩm. Theo đó, bản án hoặc quyết định sơ thẩm có hiệu lực pháp luật và được đưa ra thi hành không phải là đối tượng cần phải xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm. Nếu sau đó phát hiện ra những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ án hoặc phát hiện ra nhưng tình tiết mới làm thay đổi cơ bản nội dung của bản án, quyết định thì những bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật sẽ trở thành đối tượng xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm. Đây cũng là điểm khác biệt cơ bản để phân biệt thẩm quyền phúc thẩm với thẩm quyền giám đốc thẩm, tái thẩm. Điều 230 Bộ luật TTHS 2003 quy định: “ xét xử



phúc thẩm là việc tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại vụ án hoặc xét lại quyết định sơ thẩm mà bản án, quyết định sơ thẩm đối với vụ án đó chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo kháng nghị”. Luật tố tụng hình sự 2015 thì quy định thêm về quyết định sơ thẩm bị kháng cáo kháng nghị: “ Là quyết định tạm đình chỉ, quyết định đình chỉ vụ án, quyết định tạm đình chỉ vụ án đối với bị can, bị cáo, quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, bị cáo và quyết định khác của Tòa án cấp sơ thẩm theo quy định của Bộ luật này.” Như vậy, một bản án hoặc quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo kháng nghị là căn cứ để tòa án cấp trên trực tiếp mở phiên tòa để xem xét kháng cáo, kháng nghị đó. Trong thực tế, việc kháng cáo hoặc kháng nghị có thể liên quan đến một phần và cũng có thể liên quan đến toàn bộ bản án hoặc quyết định sơ thẩm. Trong phiên tòa phúc thẩm, nếu HĐXX chỉ xét bản án, quyết định sơ thẩm mà không ra quyết định của mình thì giai đoạn phúc thẩm, phiên tòa phúc thẩm không còn ý nghĩa như một giai đoạn, một thủ tục để phát hiện những bất hợp lý, chưa phù hợp trong bản án, quyết định sơ thẩm và khắc phục những bất hợp lý chưa phù hợp đó. Vì vậy không thể quan niệm phúc thẩm là chỉ xét lại bản án, quyết định sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật và bị kháng cáo kháng nghị mà cần nhìn một cách tổng thể : *xét xử phúc thẩm vụ án hình sự là việc tòa án cấp trên trực tiếp của tòa án đã xử sơ thẩm vụ án mở phiên tòa xét xử lại vụ án hoặc quyết định của cấp sơ thẩm khi bản án, quyết định đó chưa có hiệu lực pháp luật nhưng đã bị kháng cáo hoặc kháng nghị hợp lệ trong thời gian luật định.*

- Nội dung của thẩm quyền xét xử phúc thẩm: Trên cơ sở kháng cáo, kháng nghị hợp lệ, HĐXX phúc thẩm sẽ tiến hành xét lại đối với những bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị,. Theo đó thẩm quyền xét xử phúc thẩm gồm có hai nội dung là xét lại về mặt nội dung và kiểm tra tính hợp pháp và tính có căn cứ của bản án, quyết định sơ thẩm. Thứ nhất, HĐXX phúc thẩm tiến hành xét xử lại vụ án về mặt nội dung, tức là xem xét, đánh

giá lại sự thật của vụ án trên cơ sở tất cả những chứng cứ cũ và những chứng cứ mới được bổ sung trong giai đoạn xét xử phúc thẩm. Thứ hai, HĐXX phúc thẩm tiến hành xem xét lại tính hợp pháp ( thể hiện ở chỗ bản án, quyết định đó phải phù hợp với những quy định của pháp luật cả về nội dung lẫn hình thức) và tính có căn cứ ( thể hiện ở chỗ những kết luận trong bản án phù hợp với những sự kiện thực tế của vụ án từ những chứng cứ đã được xem xét, đánh giá công khai tại phiên tòa)

- Phạm vi thực hiện thẩm quyền xét xử phúc thẩm: Phạm vi thực hiện thẩm quyền xét xử phúc thẩm là giới hạn mà pháp luật quy định cho Tòa án cấp phúc thẩm đưa ra các quyết định có tính chất quyền lực nhà nước để giải quyết các vấn đề trong vụ án hình sự. Kháng cáo, kháng nghị hợp pháp của các chủ thể có quyền kháng cáo, kháng nghị là cơ sở pháp lý để HĐXX phúc thẩm xác định phạm vi xét xử của mình. HĐXX phúc thẩm chỉ xem xét, giải quyết phần nội dung của bản án, quyết định sơ thẩm có kháng cáo, bị kháng nghị. Còn các phần khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị Tòa án cấp phúc thẩm có thể xem xét khi xét thấy cần thiết. Trường hợp cần thiết để HĐXX phúc thẩm xem xét có thể là các trường hợp như phần bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị liên quan đến bản án sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị; có các căn cứ để giảm nhẹ về hình sự cho các bị cáo không kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị; phần bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có căn cứ hủy án sơ thẩm để điều tra lại hoặc xét xử lại hay đình chỉ vụ án. Đối với những khoản về bồi thường thiệt hại nếu không có kháng cáo, kháng nghị thì HĐXX phúc thẩm không xem xét.

Trên cơ sở phân tích các dấu hiệu trên, có thể đưa ra khái niệm về thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm như sau: *Thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm phúc thẩm là tổng hợp các quyền mà pháp luật quy định cho Hội đồng xét xử phúc thẩm được xem xét và quyết định trong phạm vi xét xử phúc thẩm đối với vụ án hình sự mà bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng*

*cáo, kháng nghị, trên cơ sở kiểm tra lại tính hợp pháp và tính có căn cứ của bản án sơ thẩm đó, đồng thời giải quyết vụ án hình sự về nội dung bằng một bản án hoặc quyết định hợp pháp và có căn cứ.*

## **1.2. Cơ sở và nội dung thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm**

### ***Cơ sở quy định thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm***

Thẩm quyền của Tòa án trong tố tụng hình sự nói chung và thẩm quyền của Tòa án cấp phúc thẩm, cũng như của HĐXX phúc thẩm được xác định dựa trên các căn cứ như: các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự; sự phân định các chức năng cơ bản trong tố tụng hình sự; tính chất, nhiệm vụ của Tòa án cấp phúc thẩm trong tố tụng hình sự; và đặc biệt căn cứ vào quyền kháng cáo, kháng nghị.

#### *Thứ nhất, các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự*

Nguyên tắc cơ bản, là nguyên tắc được đề ra cho tất cả các chế định trong bộ luật, thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm không nằm ngoài phạm trù đó. Các nguyên tắc này liên hệ chặt chẽ với nhau, tạo thành một thể thống nhất để xây dựng hệ thống pháp luật tố tụng hình sự cùng các chế định cụ thể của nó.

+ Nguyên tắc xác định sự thật của vụ án là nguyên tắc liên quan đến quá trình giải quyết vụ án, thông qua nhiều giai đoạn khác nhau, các giai đoạn đều có mục đích chung là tìm ra sự thật vụ án. Đây chính là tư tưởng chủ đạo, là nhiệm vụ bao trùm của toàn bộ hoạt động tố tụng hình sự. Trong quá trình tiến hành tố tụng các cơ quan tiến hành tố tụng phải áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ. Việc thực hiện nguyên tắc này là yếu tố đảm bảo cho trật tự xã hội. Đã có rất nhiều trường hợp vì những sai sót không đáng có của người tiến hành tố tụng mà có nhiều người phải chịu án oan sai, vì vậy việc hình thành

cấp xét xử thứ hai, với những thẩm quyền đặc trưng của HĐXX phúc thẩm là điều thiết yếu. Thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm được hình thành từ chính mục đích của nguyên tắc trên.

+ Nguyên tắc suy đoán vô tội là một nguyên tắc rất đặc biệt trong tố tụng hình sự. Một người chỉ có thể bị coi là có tội khi có bản án kết tội của tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Chính vì vậy, thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm chỉ nằm trong phạm vi những bản án chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị. Nguyên tắc trên đòi hỏi sự buộc tội phải dựa trên những chứng cứ xác thực, không còn nghi ngờ, nếu không chứng minh làm rõ được sự nghi ngờ thì phải được giải thích theo hướng có lợi cho bị can, bị cáo. Mục đích của nguyên tắc này là tội phạm phải được phát hiện và xử lý theo quy định của pháp luật, nhưng không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội. Đây cũng chính là mục đích khi pháp luật hình thành lên cấp xét xử phúc thẩm, với những quy định về thẩm quyền đủ để đảm bảo cho việc kết luận thân phận pháp lý đối với một người. Nguyên tắc này là nguyên tắc tiến bộ, bảo vệ chính sách nhân đạo của pháp luật hình sự và lợi ích của người bị truy cứu trách nhiệm hình sự, khi cơ quan tiến hành tố tụng không chứng minh được hành vi phạm tội thì phải suy đoán theo hướng vô tội.

+ Nguyên tắc thực hiện chế độ hai cấp xét xử là nguyên tắc căn bản hình thành lên cấp xét xử phúc thẩm, và cũng có thể được coi là một nguyên tắc quốc tế, vì được hầu hết các nước trên thế giới thừa nhận. Đúng với bản chất của xét xử phúc thẩm, theo nguyên tắc này sau khi xét xử sơ thẩm, nếu bản án hoặc quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo hoặc kháng nghị, thì vụ án được xét xử lại ở Tòa án cấp trên. Nguyên tắc này cũng chính là căn cứ để xác định tính chất, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng xét xử phúc thẩm [16, tr. 35]. Bởi lẽ, khi xét xử lại vụ án, HĐXX phúc thẩm không chỉ xem xét về mặt áp dụng luật mà còn giải quyết nội dung vụ án.

+ Bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội là nguyên tắc rất quan trọng trong chế định xét xử phúc thẩm. Một phiên tòa phúc thẩm được hình thành để bảo đảm cho bị cáo bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước tòa án, họ vốn là những chủ thể ở địa vị pháp lý bất lợi và là đối tượng của việc buộc tội. Chính vì vậy, pháp luật tố tụng hình sự đã quy định các điều kiện cần thiết bảo đảm cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo có thể thực hiện được việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước tòa án và có quyền chống lại việc buộc tội. Theo luật tố tụng hình sự Việt Nam, quy định về phúc thẩm thì khi có kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định (hoặc kháng cáo quá hạn nhưng có lý do chính đáng) thì vụ án phải được xét xử ở Tòa án cấp cao hơn. Từ nguyên tắc này, việc quy định thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm phải được pháp luật tố tụng quy định chặt chẽ và việc thực hiện các thẩm quyền đó phải có căn cứ, và các điều kiện pháp lý cần thiết để đảm bảo quyền bào chữa của bị cáo trong giai đoạn xét xử phúc thẩm.

+ Nguyên tắc “*giám đốc việc xét xử*” là một nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự với nội dung Tòa án cấp trên giám đốc việc xét xử của Tòa án cấp dưới, TANDTC giám đốc việc xét xử của Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự các cấp để bảo đảm cho việc áp dụng pháp luật được tiến hành nghiêm chỉnh và thống nhất. Công tác giám đốc xét xử của Tòa án cấp trên đối với hoạt động của cấp dưới; phát hiện những thiếu sót, sai lầm trong hoạt động xét xử của Tòa án cấp dưới, từ đó sửa chữa, hướng dẫn tòa án cấp dưới áp dụng thống nhất pháp luật. Công tác giám đốc xét xử của Tòa án cấp trên đối với hoạt động xét xử của Tòa án cấp dưới còn thể hiện bằng việc xem lại các bản án và quyết định theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm. Nguyên tắc này bảo đảm cho việc chấp hành pháp luật được nghiêm chỉnh và thống nhất; bảo đảm tính đúng đắn của bản án và quyết định của Tòa án; góp phần vào việc nâng cao chất lượng xét xử của Tòa án cũng như bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của công dân. Nguyên tắc này là căn cứ các định thẩm

quyền của HĐXX phúc thẩm đó là việc thực hiện chức năng giám đốc xét xử của Tòa án cấp trên đối với Tòa án cấp dưới, kiểm tra tính hợp pháp và tính có căn cứ của bản án hoặc quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật, khắc phục những sai lầm trong việc xét xử của tòa án cấp dưới [46, tr78].

*Thứ hai, căn cứ vào các chức năng cơ bản trong tố tụng hình sự*

Thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm cũng chính là thẩm quyền của tòa án cấp phúc thẩm. Tòa án, chủ thể duy nhất có chức năng xét xử. Đây là nguyên tắc hiến định được ghi nhận tại Điều 127 luật Hiến pháp. Chức năng xét xử của Tòa án là căn cứ để xác định nhiệm vụ, quyền hạn – thẩm quyền của Tòa án nói chung và thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm nói riêng trong việc xem xét và quyết định về các vụ án hình sự. Chức năng này của Tòa án xác định các quyền hạn của HĐXX phúc thẩm là kiểm tra tính hợp pháp và tính có căn cứ của bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị, phát hiện và khắc phục kịp thời các vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm. Chức năng này của Tòa án không cho phép Tòa án nói chung và HĐXX phúc thẩm nói riêng thực hiện các quyền hạn thuộc về chức năng buộc tội hay bào chữa. Tòa án trong tố tụng hình sự đóng vai trò phân xử giữa bên buộc tội và bên bào chữa. Thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm nằm trong phạm vi chức năng của Tòa án.

*Thứ ba, căn cứ vào sự phân định thẩm quyền xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự*

Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành thì Tòa án cấp trên trực tiếp của Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án có thẩm quyền xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự mà bản án, hoặc quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo hoặc kháng nghị. Như vậy, thẩm quyền xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự được xác định gián tiếp thông qua thẩm quyền xét xử sơ thẩm. Sự mở rộng hay thu hẹp thẩm quyền xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự ảnh hưởng trực tiếp đến thẩm quyền xét xử phúc thẩm, đảm bảo sự cân đối

trong hoạt động xét xử giữa các cấp Tòa án, tạo điều kiện để nâng cao chất lượng xét xử.

*Thứ tư, căn cứ vào tính chất và nhiệm vụ của Tòa án cấp phúc thẩm trong tố tụng hình sự*

Tính chất của phúc thẩm là việc Tòa án cấp trên trực tiếp xét lại những bản án hoặc quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo hoặc kháng nghị. Nhiệm vụ của HĐXX phúc thẩm là kiểm tra lại tính hợp pháp và tính có căn cứ của bản án hoặc quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật thông qua việc xét xử lại vụ án về nội dung. Ngoài việc khắc phục các vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm được nêu trong kháng cáo, kháng nghị, HĐXX phúc thẩm còn có nhiệm vụ tự mình phát hiện các sai sót ở các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị và kịp thời khắc phục các sai sót đó.

Tính chất của phúc thẩm sẽ quyết định đến những vấn đề khác của phúc thẩm như phạm vi xét xử phúc thẩm, những quy định chung về thủ tục tại phiên tòa phúc thẩm, trình tự phiên tòa phúc thẩm và đặc biệt là quyền hạn của tòa án cấp phúc thẩm. Việc xác định thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm trong tố tụng hình sự phải xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ của mình một cách có hiệu quả.

*Thứ năm, căn cứ vào quyền kháng cáo, kháng nghị và phạm vi xét xử phúc thẩm*

Căn cứ đầu tiên làm phát sinh giai đoạn phúc thẩm là việc có kháng cáo của bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác, có kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp hoặc cấp trên trực tiếp đối với bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật. Như vậy, phạm vi xét xử phúc thẩm của Tòa án cần căn cứ vào kháng cáo, kháng nghị. Thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm cũng được xác định dựa trên kháng cáo kháng nghị đó. Việc kháng cáo, kháng nghị đối với toàn bộ hoặc một phần của bản án chưa có hiệu lực pháp

luật; việc thay đổi, bổ sung hay rút một phần, rút toàn bộ kháng cáo, kháng nghị của các chủ thể đều ảnh hưởng đến các quyền hạn của HĐXX phúc thẩm trong việc xem xét và quyết định các vấn đề cụ thể của vụ án. HĐXX phúc thẩm chỉ có quyền xét lại những bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị, xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị và nếu cần thiết có thể xét các phần khác không bị kháng cáo, kháng nghị. Trong trường hợp rút toàn bộ kháng cáo, kháng nghị tại phiên tòa thì việc xét xử phúc thẩm phải được đình chỉ. Quyền hạn của HĐXX phúc thẩm trong việc xem xét và quyết định về vụ án không bị hạn chế bởi nội dung của kháng cáo, kháng nghị, nếu điều đó không làm xấu hơn tình trạng của bị cáo.

***Nội dung thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm***

Như trên đã phân tích, thẩm quyền xét xử của Hội đồng xét xử phúc thẩm có thể được xem xét dưới hai khía cạnh là về nội dung và về hình thức. Quyền xem xét và quyết định đối với bản án sơ thẩm của tòa án bị kháng nghị là quyền về nội dung. Khi xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm có quyền xem xét và quyết định đối với bản án sơ thẩm như sau:

- Không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm; Đây là trường hợp bản án hoặc quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị đã được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết đúng, tức là bản án hoặc quyết định sơ thẩm bảo đảm tính có căn cứ và tính hợp pháp. Không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm là việc HĐXX phúc thẩm ra quyết định giữ nguyên toàn bộ bản án sơ thẩm, không thay đổi.

- Sửa bản án sơ thẩm;

Quyền sửa bản án của HĐXX phúc thẩm là thẩm quyền đưa ra những phán quyết cuối cùng thay đổi nội dung của một vụ án. Đây là quyền năng tạo nên sự khác biệt trong thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm mà Hội đồng giám đốc thẩm và tái thẩm không có. Quyền hạn này xuất phát từ tính chất của xét xử



phúc thẩm, cấp xét xử thứ hai xét xử lại vụ án hình sự, kiểm tra lại tính hợp pháp và tính có căn cứ của bản án sơ thẩm, thông qua việc xét xử phúc thẩm.

- Hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại hoặc xét xử lại

Thẩm quyền này được sinh ra để đảm bảo nguyên tắc xác định sự thật của vụ án. HĐXX phúc thẩm ra quyết định hủy bỏ toàn bộ bản án, yêu cầu điều tra lại do có những thiếu sót trong quá trình điều tra ở cấp sơ thẩm mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được, tránh việc xử oan, xử sai, hay bỏ lọt tội phạm hoặc yêu cầu xét xử lại do có những vi phạm về thủ tục tố tụng ở cấp xét xử sơ thẩm, vi phạm về căn cứ định tội.

- Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án

Đây có thể coi là một trường hợp đặc biệt của tố tụng và rất hi hữu xảy ra. Khi thực hiện thẩm quyền này, HĐXX phúc thẩm cần phải xác định được thân phận pháp lý của bị can, bị cáo. Đó là việc tuyên bị cáo không có tội rồi mới ra quyết định đình chỉ vụ án. Nếu bị cáo có tội, nhưng việc quy kết trách nhiệm hình sự cho bị cáo tại thời điểm đó không còn ý nghĩa nữa, thì HĐXX phúc thẩm ra quyết định đình chỉ vụ án.

- Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm:

HĐXX phúc thẩm thực hiện thẩm quyền này đối với vụ án mà người kháng cáo đã rút toàn bộ kháng cáo, Viện kiểm sát đã rút toàn bộ kháng nghị.

## **Kết Luận Chương 1**

1. Khái niệm “*thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm*” là một phạm trù rộng, và có nhiều quan điểm khác nhau, khi đưa ra khái niệm này. Giữa luật tố tụng hình sự cũ 2003 và luật tố tụng hình sự mới 2015 không có sự xung đột khi đưa ra khái niệm về thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm. Bởi lẽ, bản chất của việc xét xử phúc thẩm là bất biến: “*Xét xử phúc thẩm là việc Tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại vụ án hoặc xét lại quyết định sơ thẩm mà bản án, quyết định sơ thẩm đối với vụ án đó chưa có hiệu lực*”

*pháp luật khi bị kháng cáo, kháng nghị*”. Thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm xuất phát từ chính đặc điểm của xét xử phúc thẩm, và được quy định trên những nguyên tắc bất di bất dịch của Bộ luật tố tụng hình sự.

2. Phạm vi nghiên cứu của luận văn này tập trung vào vấn đề “ *Thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm*”. Vì vậy, dựa trên cơ sở pháp lý của luật tố tụng hình sự có thể hiểu. Nội dung thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm như sau: không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm; sửa bản án sơ thẩm; hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án đề điều tra lại hoặc xét xử lại; hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án; đình chỉ việc xét xử phúc thẩm.

Tại chương tiếp theo, tác giả sẽ làm rõ hơn về quy định của pháp luật tố tụng hình sự nói chung, luật tố tụng hình sự cũ và mới nói riêng trong việc quy định thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm.

**Chương 2**  
**QUY ĐỊNH VỀ THẨM QUYỀN CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**PHÚC THẨM ĐỐI VỚI BẢN ÁN SƠ THẨM TRONG**  
**TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM**

**2.1. Những quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 về thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm**

Bản án được Tòa án ra, nhân danh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bản án bao gồm ba phần: phần đầu, phần nội dung và phần quyết định của bản án. Bản án được pháp luật quy định rõ về cả hình thức lẫn nội dung. Khoản 1 Điều 199 Bộ luật TTHS 2003 có ghi: “ Bản án của Tòa án quyết định việc bị cáo có phạm tội hay không phạm tội, hình phạt và các biện pháp tư pháp khác. Bản án được thảo luận và thông qua tại phòng nghị án.”. Bản án, không chỉ là một bản giấy mà là cả một văn bản chứa đựng rất nhiều giá trị pháp lý. Việc giải quyết vụ án của Tòa án được thể hiện thông qua bản án. Bản án là bộ mặt của công lý, nhưng công lý không phải lúc nào cũng hiện diện. Bản án, liệu có thể luôn được thực thi? Và nếu không được thực thi thì số mệnh của bản án, của những người bị bản án đó nắm giữ sẽ ra sao? Tại điều 248 Bộ luật TTHS năm 2003 có quy định, Tòa án cấp phúc thẩm có quyền quyết định: không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm; Sửa bản án sơ thẩm; hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để điều tra lại hoặc xét xử lại; hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án.

**2.1.1. Không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm**

Khi xét xử phúc thẩm, trường hợp bản án sơ thẩm có nhiều kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm có thể không chấp nhận một số kháng cáo, kháng nghị, giữ nguyên phần bản án bị kháng cáo, kháng nghị đó, đồng

thời chấp nhận một số kháng cáo, kháng nghị khác và quyết định sửa án hoặc quyết định hủy án. Không chấp nhận kháng cáo kháng nghị là việc HĐXX phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, nếu bản án sơ thẩm có căn cứ và Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Trong quá trình xét xử phúc thẩm, sau khi xem xét toàn bộ vụ án, HĐXX thấy không có căn cứ để thỏa mãn kháng cáo, kháng nghị thì ra quyết định không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Theo pháp luật tố tụng hình sự của nước ta, HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị về hình thức hoặc nội dung. Kháng cáo, kháng nghị không được chấp nhận về hình thức thường là kháng cáo, kháng nghị không đúng về phạm vi quyền kháng cáo, thủ tục, thời hạn do luật định (vi phạm các Điều 231, 232, 233, 234 Bộ luật TTHS 2003). Khi kháng cáo, kháng nghị không được chấp nhận do vi phạm về mặt hình thức thì HĐXX phúc thẩm cũng không cần xem xét đến nội dung kháng cáo, kháng nghị. Trong trường hợp kháng cáo sai phạm vi quyền kháng cáo mà pháp luật quy định cho từng chủ thể có quyền kháng cáo, HĐXX phúc thẩm không ra quyết định bác kháng cáo, kháng nghị mà thường giải thích cho đương sự biết họ không có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Còn đối với trường hợp kháng cáo quá hạn, HĐXX phúc thẩm căn cứ vào việc xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm để ra quyết định chấp nhận nếu có lý do chính đáng hoặc quyết định không chấp nhận nếu không có lý do chính đáng để kháng cáo quá hạn.

Khi thụ lý giải quyết vụ án theo kháng cáo, kháng nghị đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm, HĐXX phúc thẩm hoàn toàn có thể ra quyết định giữ nguyên bản án, vì sự việc trong bản án cũ là có thực, việc áp dụng biện pháp là đúng đắn, hình phạt thích hợp, kháng cáo, kháng nghị không được chấp nhận. Việc giữ nguyên bản án sơ thẩm đồng nghĩa với việc không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị, nhưng không đúng trong trường hợp ngược lại. Bởi lẽ, việc quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm cần phải dựa trên những căn cứ

nhat định. Không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị chỉ là điều kiện cần nhưng chưa đủ để HĐXX phúc thẩm ra quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm. Trong Điều 248 Bộ luật TTHS 2003 không đặt ra căn cứ pháp lý khi nào HĐXX phúc thẩm có quyền ra quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm. Trên thực tế, có hai căn cứ được đặt ra:

- Một là: Khi các bản án, quyết định sơ thẩm là hợp pháp và có căn cứ. Tính hợp pháp của bản án thể hiện ở chỗ HĐXX sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật về mặt nội dung như định tội danh, định khung hình phạt, đảm bảo về thẩm quyền, thủ tục xét xử. Tính có căn cứ của bản án sơ thẩm thể hiện ở sự phù hợp giữa kết luận trong bản án với những sự kiện thực tế của vụ án đã được xác định tại phiên tòa, trên cơ sở những chứng cứ đã được thẩm tra xem xét đánh giá công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

- Hai là: Mặc dù bản án sơ thẩm xét xử chưa đảm bảo tính hợp pháp và tính có căn cứ nhưng HĐXX phúc thẩm không có điều kiện pháp lý để sửa bản án sơ thẩm. Đặc biệt trong trường hợp một bản án sơ thẩm có nhiều kháng cáo, kháng nghị, một số kháng cáo, kháng nghị không được chấp nhận (do vi phạm điều kiện về mặt hình thức hoặc nội dung, phần bản án không bị kháng cáo, kháng nghị tuy phát hiện ra căn cứ để sửa án nhưng HĐXX phúc thẩm không có đủ điều kiện để ra các quyết định này.

### ***2.1.2. Sửa bản án sơ thẩm***

Sửa bản án sơ thẩm, là thẩm quyền chi thuộc về HĐXX phúc thẩm. Tòa án cấp phúc thẩm sửa chữa những sai lầm của tòa án cấp sơ thẩm trong việc áp dụng pháp luật khi ra bản án. Trong khi đó, giám đốc thẩm và tái thẩm không phải là cấp xét xử nên không trực tiếp giải quyết nội dung vụ án hình sự. Tính chất và mục đích của hai thủ tục này là xét lại tính có căn cứ và tính hợp pháp trong các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Trong hai thủ tục này, hội đồng giám đốc thẩm và tái thẩm mặc dù phát hiện ra những sai

làm thiếu sót nhưng không có quyền sửa bản án sơ thẩm mà chỉ có quyền hủy bản án để điều tra hoặc xét xử lại, quyền hủy bản án và đình chỉ vụ án, quyền không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án.

Về bản chất, thì đó là việc Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định khác với quyết định của bản án sơ thẩm theo hướng có lợi hoặc không có lợi cho bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo quy định của pháp luật. Cụ thể như sau:

#### *2.1.2.1. Sửa án theo hướng có lợi cho bị cáo*

Khoản 1, Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự quy định về các trường hợp tòa án cấp phúc thẩm theo hướng có lợi cho bị cáo, cụ thể là các trường hợp sau:

- Miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo đã bị Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố là có tội và áp dụng hình phạt hoặc miễn hình phạt, nếu có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 25 Bộ luật hình sự: “do chuyển biến của tình hình mà hành vi phạm tội hoặc người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa”, trước khi hành vi phạm tội bị phát giác, người phạm tội đã tự thú, khai rõ sự việc góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế tới mức thấp nhất hậu quả của tội phạm hoặc khi có quyết định đặc xá. Ngoài ra, căn cứ để HĐXX phúc thẩm quyết định miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi bị cáo thuộc một trong những trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự được quy định trong Điều 19 Bộ luật hình sự (tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội); khoản 2 Điều 69 Bộ luật hình sự (người chưa thành niên phạm tội ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng nhưng gây nguy hại không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và được giám sát, giáo dục); khoản 3 Điều 80 Bộ luật hình sự (người nhận làm gián điệp nhưng không thực hiện nhiệm vụ được giao và tự thú, thành khẩn khai báo); khoản 6 Điều 289 Bộ luật hình sự (người đưa hối lộ chủ động khai báo trước khi bị phát giác); khoản 3 Điều 314 Bộ luật hình sự (người không tố giác có hành động can ngăn người phạm tội hoặc hạn chế tác hại của tội phạm).

- Miễn hình phạt cho bị cáo, nếu có căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự: “ phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ, quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, đáng được khoan hồng đặc biệt, nhưng chưa đến mức được miễn trách nhiệm hình sự”. Việc tòa án cấp sơ thẩm kết tội bị cáo mà HĐXX quyết định miễn hình phạt cho bị cáo thì đó là sửa án theo hướng có lợi cho bị cáo. Miễn hình phạt là không bắt buộc người phạm tội phải chịu biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước là hình phạt về tội mà người đó đã thực hiện. Tuy nhiên, người phạm tội được miễn hình phạt, nhất thiết phải có những điều kiện về trường hợp miễn trách nhiệm hình sự nhưng vì tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết khác của vụ án mà không thể miễn trách nhiệm hình sự đối với họ được thì mới miễn hình phạt [230, tr 196].

- Áp dụng điều khoản Bộ luật hình sự về tội nhẹ hơn hoặc khung hình phạt nhẹ hơn đối với bị cáo. Trong quá trình xét xử, nếu xét thấy việc định tội danh và quyết định hình phạt áp dụng đối với bị cáo là quá nặng so với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội thì HĐXX phúc thẩm có thể quyết định sửa án theo hướng áp dụng điều khoản của Bộ luật hình sự về tội nhẹ hơn, đây là trường hợp chuyển tội danh nặng thành tội danh nhẹ, hoặc chuyển từ khung hình phạt nặng sang khoản có khung hình phạt nhẹ. Tội phạm khác nhẹ hơn tội phạm mà Viện kiểm sát đã truy tố là trường hợp điều luật quy định về trách nhiệm hình sự (hình phạt chính, hình phạt bổ sung) đối với tội phạm khác nhẹ hơn so với tội phạm mà Viện kiểm sát đã truy tố. Để xác định tội nào nhẹ hơn, tội nào nặng hơn thì cần thực hiện theo thứ tự sau: Trước hết xem xét hình phạt chính đối với hai tội phạm, nếu tội nào điều luật có quy định loại hình phạt nặng nhất nặng hơn thì tội đó nặng hơn; Trong trường hợp điều luật quy định loại hình phạt nặng nhất đối với cả hai tội là tù có thời hạn ( không quy định hình phạt tử hình, hình phạt tù chung thân) thì tội nào, điều luật có quy định mức hình phạt tù cao nhất đối

với tội ấy cao hơn là tội đó nặng hơn; Trong trường hợp điều luật quy định loại hình phạt nặng nhất đối với cả hai tội đều tử hình hoặc đều tù chung thân hoặc đều tù có thời hạn và mức hình phạt với cả hai tội như nhau, thì tội nào điều luật quy định mức hình phạt tù khởi điểm cao hơn thì tội đó nặng hơn; Trong trường hợp điều luật quy định loại hình phạt nặng nhất đối cả hai tội đều là tù có thời hạn và mức phạt tù khởi điểm, mức phạt tù cao nhất như nhau, thì tội nào có điều luật còn quy định loại hình phạt chính khác nhẹ hơn (cải tạo không giam giữ, phạt tiền, cảnh cáo) thì tội đó nhẹ hơn. Trong trường hợp điều luật quy định các loại hình phạt chính đối với cả hai tội như nhau, thì tội nào điều luật còn quy định hình phạt bổ sung là tội đó nặng hơn...

Theo tinh thần trên, thì HĐXX phúc thẩm có thể xác định thế nào là tội nhẹ hơn, sau khi xác định lại tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội để định tội danh nhẹ hơn cho bị cáo so với tội danh đã tuyên trong bản án sơ thẩm. Áp dụng điều khoản nhẹ hơn có thể là tuyên bị cáo một tội danh khác nhẹ hơn so với tội danh đã tuyên trong bản án sơ thẩm hoặc chuyển từ khung hình phạt ban đầu sang khung hình phạt nhẹ hơn trong cùng một tội, hoặc chuyển từ cấu thành tội phạm tăng nặng sang cấu thành tội phạm giảm nhẹ nhờ thêm một hoặc một số tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự hoặc bỏ đi một số tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 48 BLHS kể cả tình tiết tăng nặng định khung hình phạt. Tuy nhiên, việc quyết định tuyên bị cáo tội danh nhẹ hơn không phải luôn đồng thời với quyết định giảm hình phạt cho bị cáo. Do đó vẫn được coi là trường hợp áp dụng điều khoản của BLHS về tội nhẹ hơn mặc dù vẫn giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo như trong bản án sơ thẩm. Một lưu ý nữa, là HĐXX phúc thẩm không chỉ áp dụng điều khoản của Bộ luật hình sự về tội nhẹ hơn đối với bị cáo có kháng cáo, kháng nghị mà nếu có căn cứ, HĐXX phúc thẩm có thể áp dụng điều khoản của BLHS về tội nhẹ hơn cho cả những bị cáo không có kháng cáo, kháng nghị.



- Giảm hình phạt cho bị cáo: Giảm hình phạt cho bị cáo là việc HĐXX phúc thẩm quyết định một hình phạt nhẹ hơn hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo, bao gồm cả hình phạt chính là hình phạt bổ sung. Khi xét xử phúc thẩm, nếu xét thấy mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo cao hơn so với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, HĐXX phúc thẩm có thể giảm hình phạt cho bị cáo như giảm mức hình phạt (hình phạt chính hoặc hình phạt bổ sung hoặc cả hai hình phạt), bỏ bớt một trong tổng số các hình phạt mà HĐXX sơ thẩm đã tuyên trong bản án sơ thẩm mà không thay đổi tội danh đối với bị cáo. Khi sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt, HĐXX phúc thẩm không giảm hình phạt xuống dưới mức tối thiểu là 3 tháng (theo quy định tại Điều 33 BLHS), cũng không giảm hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề nhẹ hơn khung hình phạt đã được áp dụng đối với bị cáo (Điều 47 BLHS). Nếu HĐXX phúc thẩm ra quyết định giảm hình phạt cho bị cáo sau khi áp dụng điều khoản của BLHS về tội nhẹ hơn thì không thuộc trường hợp giảm hình phạt cho bị cáo mà thuộc trường hợp áp dụng điều khoản của BLHS về tội nhẹ hơn đối với bị cáo. Cũng không được coi là trường hợp giảm hình phạt cho bị cáo nếu HĐXX phúc thẩm quyết định giữ nguyên mức hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo trong khi bản án sơ thẩm quyết định hình phạt tù đối với bị cáo, vì bản chất của án treo là miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện chứ không phải là một hình phạt. Đối với bị cáo đã được Tòa án cấp sơ thẩm cho hưởng án treo, thì Tòa án cấp phúc thẩm không được sửa bản án sơ thẩm giảm nhẹ mức hình phạt tù nhưng buộc họ phải chấp hành hình phạt tù, kể cả tù với mức thời hạn ngắn hơn thời hạn mà Tòa án cấp sơ thẩm phạt tù cho hưởng án treo, trừ trường hợp có kháng cáo, kháng nghị theo hướng tăng nặng.[49]

- Chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn (từ hình phạt tù sang cải tạo không giam giữ hoặc phạt tiền, cảnh cáo); giữ nguyên mức phạt tù và

cho hưởng án treo. Từ hình phạt thuộc loại nặng hơn mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo chuyển sang hình phạt thuộc loại nhẹ hơn. Trong hệ thống hình phạt được quy định tại Điều 28 BLHS bao gồm hình phạt chính và hình phạt bổ sung, mỗi hình phạt được quy định cụ thể từ Điều 29 đến Điều 40 BLHS. Đối với hình phạt chính, tuy chưa có giải thích chính thức loại hình phạt nào nhẹ hơn hình phạt nào, nhưng căn cứ vào các loại hình phạt quy định tại Khoản 1 Điều 28 BLHS thì có thể hiểu các nhà làm luật đã sắp xếp sáu hình phạt theo thứ tự từ nhẹ đến nặng. Đối với hình phạt bổ sung thì không thể căn cứ vào thứ tự sắp xếp để xác định hình phạt nào nhẹ hơn hình phạt nào... Do tính chất đặc thù của đối tượng và căn cứ áp dụng, không thể coi loại hình phạt này nặng hay nhẹ hơn loại hình phạt kia, HĐXX phúc thẩm sẽ căn cứ vào thực tế để áp dụng và không lệ thuộc vào kháng cáo, kháng nghị.

- Giảm mức bồi thường thiệt hại cho bị cáo: Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét phần dân sự của bản án sơ thẩm khi có kháng cáo hoặc kháng nghị đối với phần đó. Nếu thấy mức bồi thường thiệt hại mà Tòa án cấp sơ thẩm quyết định cao hơn mức thiệt hại thực tế do tội phạm gây ra, thì Tòa án cấp phúc thẩm có thể giảm mức bồi thường đối với bị cáo hoặc bị đơn dân sự. [49] Khi HĐXX phúc thẩm quyết định giảm mức bồi thường thiệt hại phải đảm bảo đúng quy định của pháp luật về bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra được quy định trong Bộ luật dân sự năm 2005 (Từ điều 609 đến điều 625 Bộ luật dân sự năm 2005). HĐXX phúc thẩm chỉ giảm mức bồi thường thiệt hại nếu có kháng cáo, kháng nghị yêu cầu, nhưng không được giảm mức bồi thường thiệt hại nếu người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của họ, hoặc nguyên đơn dân sự kháng cáo yêu cầu tăng bồi thường và họ vắng mặt tại phiên tòa có lý do chính đáng vì quyết định bất lợi cho họ. Quy định trên xuất phát từ nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, phù hợp với bản chất của quan hệ dân sự là sự bình đẳng và tôn trọng thỏa thuận của các bên tham gia ( Điều 28 bộ luật TTHS 2003)

- Giữ nguyên mức hình phạt tù và cho hưởng án treo: là không buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có điều kiện. Những trường hợp tòa án cho hưởng án treo nhưng không giữ nguyên mức hình phạt mà tăng hoặc giảm mức hình phạt đó thì không thuộc trường hợp này. Nếu HĐXX phúc thẩm quyết định giảm mức hình phạt và cho hưởng án treo thì thuộc trường hợp giảm hình phạt cho bị cáo, nếu quyết định tăng mức hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo thì là trường hợp sửa án theo hướng bất lợi cho bị cáo.

- Sửa phần quyết định xử lý vật chứng theo quy định tại Điều 74 Bộ luật TTHS 2003 thì vật chứng là những vật được dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội, vật mang dấu vết tội phạm, vật là đối tượng của tội phạm cũng như tiền bạc và những vật khác có giá trị chứng minh tội phạm và người phạm tội. HĐXX phúc thẩm có thể sửa quyết định xử lý vật chứng nếu như quyết định xử lý vật chứng của HĐXX sơ thẩm không tuân thủ các quy định tại khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Việc xử lý vật chứng là biện pháp xử lý bắt buộc. Vì vậy, việc sửa quyết định xử lý vật chứng của HĐXX phúc thẩm không phụ thuộc vào việc có hay không có kháng cáo, kháng nghị về việc xử lý vật chứng của Tòa án cấp sơ thẩm, cũng không phụ thuộc vào hướng kháng cáo, kháng nghị đối với quyết định xử lý của Tòa án cấp sơ thẩm.

Theo tinh thần của điều luật trên, thì khi sửa án theo hướng có lợi cho bị cáo, HĐXX phúc thẩm không phụ thuộc vào nội dung của kháng cáo, kháng nghị, HĐXX phúc thẩm có quyền sửa bản án theo hướng có lợi cho bị cáo không chỉ có kháng cáo, kháng nghị theo hướng giảm nhẹ mà ngày cả khi kháng cáo, kháng nghị yêu cầu tăng nặng nhưng có căn cứ để giảm. Đối với bị cáo không kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị, nếu có căn cứ HĐXX phúc thẩm vẫn có thể sửa bản án theo hướng giảm nhẹ về hình sự cho bị cáo. Khoản 2 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự quy định: “ Nếu có căn cứ, HĐXX phúc thẩm có quyền sửa bản án sơ thẩm: áp dụng điều khoản BLHS về tội nhẹ hơn; chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn; giữ nguyên

mức án hình phạt tù và cho hưởng án treo cho cả nhưng bị cáo không kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị”. Có thể thấy, đây là sự cụ thể hóa ngoại lệ của phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 241 Bộ luật TTHS 2003. Về nguyên tắc, “Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị”. Tuy nhiên “nếu xét thấy cần thiết thì Tòa án cấp phúc thẩm có thể xem xét các phần khác không bị kháng cáo, kháng nghị của bản án.” Điều 241 không quy định thế nào là trường hợp “cần thiết” theo hướng dẫn tại mục 4 phần VI Thông tư liên ngành số 01/TTLN ngày 08/12/1988 của Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong Bộ luật TTHS, “trường hợp cần thiết là trường hợp ở phần không bị kháng cáo hoặc kháng nghị có điểm cần được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo”

#### *2.1.2.2. Sửa án theo hướng bất lợi cho bị cáo*

Tại khoản 3 Điều 249 Bộ luật TTHS 2003 có quy định: “Trường hợp Viện kiểm sát kháng nghị hoặc người bị hại kháng cáo yêu cầu thì Tòa án cấp phúc thẩm có thể tăng hình phạt, áp dụng điều khoản BLHS về tội nặng hơn; tăng mức bồi thường thiệt hại, nếu có kháng nghị của Viện kiểm sát hoặc kháng cáo của người bị hại, nguyên đơn dân sự.”

Theo quy định trên, HĐXX phúc thẩm có quyền tăng hình phạt, áp dụng loại hình phạt nặng hơn hay thêm loại hình phạt được áp dụng, tăng mức hình phạt đối với cả hình phạt chính và hình phạt bổ sung. HĐXX phúc thẩm còn có quyền áp dụng điều khoản BLHS về tội nặng hơn, chuyển khung hình phạt nặng hơn và thậm chí tăng mức bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên, việc sửa bản án theo hướng bất lợi cho bị cáo cần tuân theo một số điều kiện nhất định. Tòa án cấp phúc thẩm chỉ có quyền sửa bản án sơ thẩm theo hướng tăng nặng đối với bị cáo trong trường hợp Viện kiểm sát kháng nghị hoặc người bị hại kháng cáo theo hướng đó. Nếu Viện kiểm sát kháng nghị hoặc người bị hại kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt mà không yêu cầu áp dụng điều khoản Bộ

luật hình sự về tội nặng hơn đối với bị cáo, thì Tòa án cấp phúc thẩm chỉ có quyền tăng mức hình phạt trong khung hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo mà không có quyền áp dụng điều khoản Bộ luật hình sự về tội nặng hơn và chuyển sang khung hình phạt khác nặng hơn. Nếu Viện kiểm sát kháng nghị hoặc người bị hại kháng cáo yêu cầu áp dụng điều khoản Bộ luật hình sự về tội nặng hơn đối với bị cáo mà không yêu cầu tăng hình phạt, thì Tòa án cấp phúc thẩm vẫn có quyền áp dụng điều khoản Bộ luật hình sự về tội nặng hơn và tăng hình phạt đối với bị cáo [49, tr. 550].

Quả đúng như vậy, nếu như việc sửa án theo hướng có lợi cho bị cáo không phụ thuộc vào hướng kháng cáo, kháng nghị và trong nhiều trường hợp còn vượt ra ngoài phạm vi kháng cáo, kháng nghị thì HĐXX phúc thẩm chỉ có thể sửa bản án sơ thẩm theo hướng bất lợi cho bị cáo khi có kháng cáo của người bị hại hoặc kháng nghị của Viện kiểm sát yêu cầu tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Mặt khác, nếu việc sửa án theo hướng tăng nặng cho bị cáo dẫn đến làm thay đổi thẩm quyền xét xử sơ thẩm từ Tòa án cấp huyện lên Tòa án cấp tỉnh thì HĐXX phúc thẩm sẽ phải ra quyết định hủy bản án sơ thẩm chứ không tiến hành sửa án ngay tại bản án phúc thẩm. Hồ sơ vụ án cần được chuyển lên Viện kiểm sát cấp tỉnh làm lại bản cáo trạng truy tố lên Tòa án cấp tỉnh để xét xử sơ thẩm lại cho đúng thẩm quyền. Nếu quyết định của HĐXX phúc thẩm làm bất lợi cho những người vắng mặt tại phiên tòa có lý do chính đáng thì phải hoãn phiên tòa và quyết định sửa án tại một phiên tòa khác với đầy đủ những người tham gia theo quy định tại Điều 245 Bộ luật TTHS 2003. Ngoài ra, theo hướng dẫn tại điểm c tiểu mục 3.2 mục 3 phần II Nghị quyết số 05/2005/NQ – HĐTP về trường hợp “ người có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị hoặc là người kháng cáo không phải là bị cáo đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng thì HĐXX phúc thẩm coi như người bị hại đó đã từ bỏ quyền liên quan đến kháng cáo, kháng nghị. Trong trường hợp này cũng như

trong trường hợp người có nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo, kháng nghị vắng mặt không có lý do chính đáng thì Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.” Có hai trường hợp xảy ra cần được phân biệt: Nếu người có liên quan bị kháng cáo, kháng nghị vắng mặt không có lý do chính đáng thì coi như họ từ bỏ quyền liên quan đến kháng cáo, kháng nghị. Nếu người kháng cáo vắng mặt không có lý do chính đáng thì coi như họ từ bỏ quyền kháng cáo và HĐXX phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung hoặc coi như họ rút kháng cáo đó.

Các trường hợp sửa án theo hướng bất lợi cho bị cáo của HĐXX phúc thẩm quy định bao gồm: Tăng hình phạt đối với bị cáo, áp dụng điều khoản BLHS về tội nặng hơn đối với bị cáo và tăng mức bồi thường thiệt hại. Cụ thể như sau:

- Tăng hình phạt đối với bị cáo là việc HĐXX phúc thẩm quyết định áp dụng một mức hình phạt nặng hơn so với mức hình phạt mà HĐXX sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo. Việc tăng nặng hình phạt đối với bị cáo bao gồm cả hình phạt chính và hình phạt bổ sung, nhưng không nhất thiết cứ tăng hình phạt chính thì phải tăng hình phạt bổ sung hoặc cả hai, thậm chí có thể tăng hình phạt chính nhưng giảm hình phạt bổ sung hoặc ngược lại. HĐXX phúc thẩm cũng có thể chuyển loại hình phạt nhẹ sang hình phạt nặng hơn. Căn cứ để HĐXX phúc thẩm ra quyết định này là khi xét thấy quyết định áp dụng hình phạt đối với bị cáo trong bản án sơ thẩm quá nhẹ, chưa tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Điều kiện để quyết định tăng hình phạt là có kháng cáo của người bị hại, hoặc người đại diện hợp pháp của họ, kháng nghị của Viện kiểm sát với nội dung cụ thể là yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo. Tuy nhiên, nếu có kháng cáo, kháng nghị theo hướng tăng hình phạt đối với bị cáo mà bị cáo vắng mặt có lý do chính đáng thì HĐXX phúc thẩm ra quyết định hoãn phiên tòa xét xử phúc thẩm. Đặc biệt, trong trường hợp có kháng cáo, kháng nghị theo hướng tăng

nặng hình phạt nhưng HĐXX phúc thẩm thấy không thể tăng hình phạt mà ngược lại có thể giảm hình phạt cho bị cáo thì vẫn có thể giảm.

- Áp dụng điều khoản BLHS về tội nặng hơn đối với bị cáo. HĐXX phúc thẩm có thể áp dụng điều khoản BLHS về tội nặng hơn đối với bị cáo nếu có kháng cáo của người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của họ hoặc kháng nghị của Viện kiểm sát, vì theo quy định của luật thì chỉ có những người này mới có quyền kháng cáo hoặc kháng nghị theo hướng tăng nặng đối với bị cáo. Quyền sửa án này bao gồm việc áp dụng thêm tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 48 BLHS 1999, chuyển khung hình phạt có mức hình phạt nhẹ sang khung hình phạt có mức hình phạt tăng nặng hơn hoặc chuyển tội danh từ tội nhẹ sang tội danh nặng hơn. HĐXX phúc thẩm có quyền chuyển từ tội danh nhẹ sang tội danh nặng hơn nếu có căn cứ cho rằng việc định tội danh mới là đảm bảo nguyên tắc xét xử đúng người, đúng tội. Nếu có kháng cáo, kháng nghị yêu cầu thay đổi tội danh nặng hơn và “tội danh đó đã được Viện kiểm sát viện dẫn để truy tố” [13] thì HĐXX phúc thẩm có quyền tuyên bị cáo phạm tội nặng hơn theo đúng quy định của Bộ luật TTHS 2003 về quyền áp dụng điều khoản BLHS 1999 về tội nặng hơn.

Khi một người thực hiện hành vi phạm tội có đủ yếu tố cấu thành tội phạm sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự với hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Chính vì vậy, khi xét xử phúc thẩm, mặc dù không có kháng cáo, kháng nghị yêu cầu tăng hình phạt mà chỉ có yêu cầu thay đổi tội nặng hơn, nhưng nếu thấy có căn cứ để sửa án, tuyên bố bị cáo phạm một tội khác nặng hơn tội mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo thì HĐXX phúc thẩm có quyền áp dụng một hình phạt tương xứng với tội danh đó, hình phạt này có thể nặng hơn so với hình phạt đã tuyên ở bản án sơ thẩm.

- Tăng mức bồi thường thiệt hại: HĐXX phúc thẩm có thể tăng mức bồi thường thiệt hại nếu có kháng nghị của Viện kiểm sát hoặc kháng cáo của

người bị hại, nguyên đơn dân sự. Khi tăng mức bồi thường thiệt hại, HĐXX cần căn cứ vào mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra, mức độ này có thể ảnh hưởng tới quyết định định tội danh và quyết định hình phạt đối với bị cáo. Nên quyết định tăng mức bồi thường thiệt hại cần được xem xét và có thể được thực hiện song song với quyết định khác.

Việc tăng mức bồi thường thiệt hại không chỉ đối với bị cáo mà còn có thể đối với bị đơn dân sự. Những người này là những người bị kháng cáo, hoặc bị kháng nghị vì vậy họ phải được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập đến tham gia phiên tòa, nếu họ vắng mặt có lý do chính đáng thì HĐXX phúc thẩm không được tăng mức bồi thường đối với họ. Nếu xét việc tăng mức bồi thường là cần thiết thì phải hoãn phiên tòa.

Trong thực tiễn xét xử, HĐXX phúc thẩm không chỉ giới hạn trong ba loại quyết định là tăng hình phạt, áp dụng điều khoản BLHS về tội nặng hơn, tăng mức bồi thường thiệt hại được coi là không có lợi cho bị cáo hoặc đương sự vắng mặt tại phiên tòa. Mà theo hướng dẫn tại mục 3.3 chương II Nghị quyết 05 thì bản án hoặc quyết định phúc thẩm được coi là không có lợi cho bị cáo hoặc đương sự vắng mặt tại phiên tòa khi thuộc một trong các trường hợp: “ tăng hình phạt, chuyển khung hình phạt nặng hơn, áp dụng điều khoản của BLHS về tội nặng hơn, không cho hưởng án treo đối với bị cáo được Tòa án cấp sơ thẩm cho hưởng án treo, tăng mức bồi thường thiệt hại, áp dụng thêm hình phạt bổ sung, áp dụng thêm biện pháp tư pháp so với bản án hoặc quyết định sơ thẩm”. Như vậy, nghị quyết 05 đã bổ sung các trường hợp HĐXX phúc thẩm có thể quyết định sửa án theo hướng bất lợi đối với bị cáo, đó là: áp dụng thêm hình phạt bổ sung, không cho hưởng án treo đối với bị cáo được Tòa án cấp sơ thẩm cho hưởng án treo, áp dụng thêm biện pháp tư pháp so với bản án hoặc quyết định sơ thẩm không được quy định rõ ràng tại khoản 3 Điều 249. Tuy nhiên, đây chỉ là hướng dẫn trong trường hợp bị cáo vắng mặt tại phiên tòa chứ không phải là hướng dẫn chung cho mọi trường hợp.



Có một lỗ hổng của luật tại khoản 3 Điều 249 Bộ luật TTHS 2003 cho thấy, Bộ luật tổ tụng hình sự chưa đảm bảo tối đa hiệu lực của quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm theo hướng bất lợi cho bị cáo. Ngay trong luật đã có sự không thống nhất giữa các quy định về quyền kháng cáo, giới hạn quyền kháng cáo của người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại. Tại đoạn 1 Điều 231 Bộ luật TTHS, tiểu mục 1.3 mục 1 phần I Nghị quyết 05 hướng dẫn áp dụng Điều 231 Bộ luật Tổ tụng hình sự quy định: “ Người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại trong trường hợp người bị hại chết... có quyền kháng cáo toàn bộ bản án hoặc quyết định sơ thẩm theo hướng có lợi cho bị cáo hoặc theo hướng làm xấu hơn tình trạng của bị cáo”, khoản 2 Điều 52 Bộ luật TTHS 2003 cũng quy định người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về phần bồi thường cũng như về hình phạt đối với bị cáo. Tuy nhiên, khoản 3 Điều 249 lại không quy định người đại diện hợp pháp của người bị hại được quyền kháng cáo theo hướng bất lợi cho bị cáo.

### ***2.1.3. Hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để điều tra hoặc xét xử lại***

#### ***2.1.3.1 Hủy án sơ thẩm để điều tra lại***

Khoản 1 Điều 250 Bộ luật TTHS 2003 quy định: Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại khi nhận thấy việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được. Đây là căn cứ pháp lý đầu tiên dẫn đến việc hủy án sơ thẩm để điều tra lại.

Việc điều tra ở cấp sơ thẩm bao gồm cả việc điều tra ở giai đoạn điều tra, giai đoạn truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ “ *Việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ*” chưa có văn bản nào hướng dẫn cụ thể. Việc điều tra bị coi là không đầy đủ nếu Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án cấp sơ thẩm không làm sáng tỏ những tình tiết có ý nghĩa quan trọng đối với vụ án như các tình tiết buộc tội, gỡ tội hoặc các tình tiết có thể ảnh hưởng đến việc

xác định tội danh, quyết định hình phạt đối với bị cáo...[49]. Như vậy, có thể hiểu đây là kết quả của giai đoạn điều tra không xác định đầy đủ đối tượng chứng minh của vụ án nên Tòa án không có đủ cơ sở pháp lý để xác định sự thật vụ án một cách khách quan, toàn diện, đúng đắn, cụ thể là một trong các trường hợp sau:

- Không tiến hành lấy lời khai của những người mà lời khai của họ quan trọng đối với việc xác định sự thật khách quan của vụ án;

- Không tiến hành trưng cầu giám định trong những trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định theo quy định tại khoản 3 Điều 155 Bộ luật TTHS 2003

- Không xác minh đầy đủ những tình tiết quan trọng về nhân thân bị cáo hay người bị hại ( như vấn đề về lý lịch tư pháp: tên, tuổi của bị cáo, người bị hại; đã bị xử lý hành chính hay chưa, tiền án, tiền sự....)

- Không làm rõ được các tình tiết được chỉ ra trong quyết định yêu cầu điều tra bổ sung ( như phương pháp, thủ đoạn, công cụ, phương tiện thực hiện tội phạm như thế nào; người phạm tội với mục đích, động cơ gì; vai trò, vị trí của từng bị can, bị cáo trong trường hợp đồng phạm hoặc phạm tội có tổ chức...)

Tòa án cấp phúc thẩm chỉ hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại trong trường hợp nếu Viện kiểm sát cấp phúc thẩm không thể điều tra bổ sung được và ở tại phiên tòa phúc thẩm cũng không thể làm sáng tỏ được. Nếu việc điều tra ở cấp sơ thẩm tuy là không đầy đủ, nhưng có thể điều tra bổ sung được ở cấp phúc thẩm, thì Tòa án cấp phúc thẩm không hủy bản án sơ thẩm mà yêu cầu Viện kiểm sát cấp phúc thẩm điều tra bổ sung hoặc tự mình yêu cầu cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân cung cấp thêm những tài liệu cần thiết. [49, tr. 552]

Như vậy, HĐXX phúc thẩm chỉ ra quyết định hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại khi tại phiên tòa phúc thẩm, HĐXX phúc thẩm đã tiến hành mọi biện pháp cần thiết nhưng vẫn không bổ sung được những chứng cứ cần để

xác định sự thật vụ án. Việc điều tra không đầy đủ làm cho việc xác định sự thật của vụ án không chính xác mà HĐXX phúc thẩm không thể bổ sung được thì bản án sơ thẩm mới bị hủy, nếu HĐXX phúc thẩm có khả năng bổ sung thì HĐXX phúc thẩm phải bổ sung. Trong một số trường hợp như, quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm bị cáo không có biểu hiện gì về bệnh tâm thần, nhưng khi chuẩn bị xét xử hoặc tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có biểu hiện tâm thần thì HĐXX phúc thẩm phải ra quyết định trưng cầu giám định tâm thần đối với bị cáo để xác định năng lực chịu trách nhiệm hình sự của bị cáo, đây không phải trường hợp điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ dẫn đến hủy bản án sơ thẩm. Trên thực tế, cơ quan điều tra không chỉ không thực hiện đầy đủ việc điều tra mà còn thực hiện không đúng thủ tục tố tụng như: không trưng cầu giám định trong những trường hợp bắt buộc; không cử người bào chữa trong trường hợp luật; hỏi cung người dưới 16 tuổi mà không có đại diện gia đình; dung biện pháp bức cung, nhục hình đối với bị can khi tiến hành hỏi cung bị can. Nên cần bổ sung các trường hợp trên khi hướng dẫn thi hành khoản 1 Điều 250 với cụm từ “ không đầy đủ”.

#### *2.1.3.2. Hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại*

Khoản 2 Điều 250 Bộ luật TTHS quy định HĐXX phúc thẩm có quyền hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại “ nếu thành phần HĐXX không đúng luật định hoặc có vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng”.

Theo quy định trên, thì HĐXX phúc thẩm có quyền hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại dựa trên một trong các căn cứ như:

- Căn cứ thứ nhất, thành phần HĐXX sơ thẩm không đúng luật định, không đúng với quy định tại Điều 46 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định về trường hợp Thẩm phán hoặc Hội thẩm phải từ chối tham gia xét xử hoặc bị thay đổi, tức là thành viên của HĐXX sơ thẩm là người mà theo quy định của Bộ luật TTHS họ không được là thành viên của HĐXX sơ thẩm vụ án đó.

Thành phần HĐXX sơ thẩm không đúng luật định là thành phần HĐXX sơ thẩm vi phạm quy định tại Điều 185 Bộ luật TTHS. Điều 185 quy định HĐXX sơ thẩm bao gồm một Thẩm phán và hai hội thẩm, trong trường hợp vụ án có tính chất nghiêm trọng, phức tạp thì HĐXX sơ thẩm có thể gồm hai Thẩm phán và ba Hội thẩm. Từ “có thể” thể hiện sự không bắt buộc, nên HĐXX gồm ba hay 5 thành viên do Tòa án quyết định. Theo thông lệ, đối với vụ án mà bị cáo bị đưa ra xét xử về tội theo khung hình phạt có mức cao nhất là tử hình, không phụ thuộc vào việc Tòa án sẽ quyết định theo tội danh đó, theo khung hình phạt đó hay không thì HĐXX gồm hai Thẩm phán và ba Hội thẩm. Khi xét xử bị cáo là người chưa thành niên thì thành phần HĐXX phải có một Hội thẩm là giáo viên hoặc cán bộ Đoàn thành niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Thế nào là vụ án có tính chất nghiêm trọng? còn là một vấn đề chưa được làm rõ trong những văn bản hướng dẫn. Những vụ án có tính chất nghiêm trọng có thể là những vụ án phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, nhiều địa phương, vụ án có nhiều bị cáo, các bị cáo phạm nhiều tội, vụ án phức tạp về mặt chứng cứ, hay vụ án lớn phải xét xử trong thời gian dài... [49, tr542]. Tất cả những điều trên, chỉ mang tính chất suy đoán, hơn nữa luật chỉ quy định là “có thể” nên rất khó để xác định trường hợp nào thì HĐXX cần 5 người, trường hợp nào HĐXX chỉ cần 3 người. Dẫn đến HĐXX phúc thẩm không có căn cứ vững chắc quyết định hủy án sơ thẩm để xét xử lại trong trường hợp vụ án có tính chất nghiêm trọng, phức tạp.

Thành phần HĐXX sơ thẩm không đúng luật định có thể là các trường hợp: Thẩm phán hoặc Hội thẩm đã hết nhiệm kỳ mà chưa có quyết định tái nhiệm; người không được bầu là Hội thẩm tham gia HĐXX vụ án; thành viên của HĐXX không phải là Thẩm phán hoặc Hội thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm,...

Nếu HĐXX phúc thẩm phát hiện thành phần HĐXX sơ thẩm không đúng với quy định của pháp luật như phân tích trên thì phải hủy án sơ thẩm để xét xử lại với thành phần HĐXX sơ thẩm mới theo đúng quy định của pháp luật.

- Căn cứ thứ hai, Vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng: HĐXX phúc thẩm hủy án sơ thẩm để xét xử lại với thành phần HĐXX sơ thẩm mới chỉ khi có những vi phạm nghiêm trọng trong thủ tục tố tụng, bởi lẽ trong quá trình điều tra, truy tố hoặc xét xử những vi phạm thủ tục tố tụng là không thể tránh khỏi và không thể mang tất cả những vi phạm đó ra làm căn cứ hủy án và xét xử lại.

Theo quy định tại Chương I, mục 4.4 Nghị quyết số 04/2004/ HĐTP – TANDTC ngày 05 tháng 11 năm 2004 hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ ba “xét xử sơ thẩm” của Bộ luật TTHS 2003 về căn cứ “vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng” tại Điều 179 thì: “Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là trường hợp Bộ luật TTHS quy định bắt buộc phải tiến hành tố tụng hoặc tiến hành theo thủ tục tố tụng đó, nhưng cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng bỏ qua hoặc thực hiện không đúng xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi của bị can, bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc làm cho việc giải quyết vụ án thiếu khách quan toàn diện” Theo quan điểm của GS.TS Võ Khánh Vinh, vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng là một trong các trường hợp sau:

*“Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án không đúng thẩm quyền ( Như tòa án cấp huyện xét xử lại vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án cấp tỉnh; Tòa án nhân dân xét xử vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự...)*

*Vi phạm nghiêm trọng quyền bào chữa của bị cáo như Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu Đoàn luật sư cử người bào chữa cho bị cáo là người chưa thành niên hoặc là người có nhược điểm về tâm thần, thể chất; bị cáo bị xét xử về tội có khung hình phạt cao nhất quy định đến tử hình; ...*

*Xử vắng mặt bị cáo hoặc người bào chữa cho bị cáo trong những trường hợp pháp luật không cho phép... ”.[49, tr. 553]*

Trên thực tế, việc vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng còn có thể là một trong rất nhiều trường hợp như:

+ ) Xác định sai tư cách người tham gia tố tụng;

+ ) Không tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị cáo và những người khác theo quy định tại Điều 182 bộ luật TTHS;

+ ) Vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp phải hoãn phiên tòa quy định tại bộ luật TTHS như: bị cáo vắng mặt có lý do chính đáng ( Điều 187 Bộ luật TTHS); không có kiểm sát viên dự khuyết để thay thế cho kiểm sát viên vắng mặt hoặc bị thay đổi ( khoản 2 Điều 189 Bộ luật TTHS); bị cáo chưa được giao nhận bản cáo trạng và có yêu cầu hoãn phiên tòa ( Điều 201 Bộ luật TTHS)

+ ) Không triệu tập những người mà theo quy định của pháp luật họ phải được triệu tập đến tòa ( người giám hộ cho bị cáo là người chưa thành niên, người bào chữa cho bị cáo là người chưa thành niên; người bị hại,...)

+ ) Việc xét xử không liên tục, biên bản phiên tòa không đúng với quy định tại Điều 220 bộ luật TTHS;

+ ) Chủ tọa phiên tòa điều khiển phiên tòa không đúng với quy định tại Điều 201 Bộ luật TTHS như: không đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử, không kiểm tra căn cước của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác; không giải thích quyền và nghĩa vụ của bị cáo và những người tham gia tố tụng,...

+ ) Bị cáo không được nói lời sau cùng;

+ ) Việc nghị án không đúng với quy định tại Điều 222 Bộ luật TTHS;

+ ) Bản án do chủ tọa đọc tại phiên tòa không đúng với biên bản phiên tòa và biên bản nghị án;

+ ) Kiểm sát viên và thư ký Tòa án là người mà theo quy định của phải luật phải từ chối hoặc bị thay đổi; [31, tr.212 – 213].

Những phân tích trên mang tính liệt kê, nên không thể đưa ra một cách đầy đủ nhất về việc vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khác. Nhưng quy định chung, khi hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại hoặc xét xử lại, HĐXX phúc thẩm phải ghi rõ lý do của việc hủy bản án sơ thẩm trong bản án phúc thẩm. Sau khi hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại, HĐXX phúc thẩm không có quyền quyết định trước những chứng cứ mà Tòa án cấp sơ thẩm phải chấp nhận hoặc cần phải bác bỏ, cũng như không quyết định trước về điều khoản Bộ luật hình sự và hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng. HĐXX phúc thẩm phải nêu trong phần nhận định vì sao phải hủy án sơ thẩm, nhưng không được nêu cụ thể phải áp dụng thế này hoặc thế kia mà chỉ nêu những sai lầm của Tòa án cấp sơ thẩm.

- Căn cứ thứ ba: Người được Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố không có tội nhưng có căn cứ cho rằng người đó đã phạm tội nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

+ ) Bị cáo phạm tội do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo phòng vệ chính đáng;

+ )Tòa án cấp sơ thẩm đã tính nhầm thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu đã xác định hành vi của bị cáo đã quá thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên bị cáo không có tội;

+ )Tòa án cấp sơ thẩm đã tính nhầm thời hạn xóa án tích hoặc thời hạn bị xử phạt hành chính nên cho rằng hành vi của bị cáo không đủ yếu tố cấu thành tội phạm...[49, tr 553 – 554].

Mặc dù có căn cứ cho rằng người đó đã phạm tội, nhưng HĐXX phúc thẩm cũng không có quyền sửa bản án sơ thẩm theo hướng kết tội vì bản án phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án, làm cho bị cáo mất quyền kháng cáo bản án kết tội đối với mình.

#### ***2.1.4. Quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án***

Điều 251 Bộ luật TTHS quy định: Khi có một trong những căn cứ quy định tại điểm 1 và điểm 2 Điều 107 Bộ luật TTHS thì HĐXX phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo không có tội và đình chỉ vụ án; nếu có một trong những căn cứ quy định tại các điểm 3, 4, 5, 6, 7 Điều 107 Bộ luật TTHS thì hủy án sơ thẩm và đình chỉ vụ án. Đó là các trường hợp sau: không có sự việc phạm tội; không cấu thành tội phạm; người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự; người mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật; đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự; tội phạm đã được đại xá; người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết, trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác. Khi xét xử, HĐXX phúc thẩm có quyền hủy toàn bộ hoặc một phần bản án sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị và đình chỉ vụ án đối với một hoặc tất cả các bị cáo, tùy thuộc vào mức độ sai lầm của bản án sơ thẩm. Đây là những căn cứ luôn tồn tại một cách khách quan, nhưng vì lý do nào đó các cơ quan tiến hành tố tụng đã không phát hiện ra trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử nên đã truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Khi xem xét vụ án, HĐXX phúc thẩm phải căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để ra quyết định cho phù hợp và đúng đắn.

##### ***2.1.4.1. Hủy bản án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo không có tội và đình chỉ vụ án***

Căn cứ vào một trong hai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 107 Bộ luật TTHS thì HĐXX phúc thẩm sẽ quyết định hủy bản án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo không có tội và đình chỉ vụ án.

- Một là: Không có sự việc phạm tội, có nghĩa là Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án với một hoặc một số người theo Bộ luật hình sự trong khi không có sự việc phạm tội xảy ra trong thực tế, không có một hành vi vi phạm pháp luật nào xảy ra. Sự kết tội của tòa án cấp sơ thẩm là do lầm tưởng có tội phạm xảy



ra và đã truy cứu nhằm người. Khi nắm bắt được căn cứ này, HĐXX phúc thẩm phải hủy bản án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo không có tội, và đình chỉ vụ án. Trong trường hợp này, bản án sơ thẩm còn được gọi là bản án oan sai.

- Hai là: Hành vi không cấu thành tội phạm, là những hành vi không có đầy đủ các dấu hiệu của cấu thành tội phạm đã được quy định trong Bộ luật hình sự phân các tội phạm cụ thể.

Hành vi không cấu thành tội phạm được biểu hiện ở nhiều dạng khác nhau như: hành vi đó thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 8 BLHS: “ tuy có dấu hiệu của tội phạm nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể”, hành vi thiếu một trong các yếu tố cấu thành tội phạm hoặc hành vi thuộc một trong các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự, sự kiện bất ngờ, chuẩn bị phạm tội ít nghiêm trọng, tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội..)

#### *2.1.4.2. Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án*

Nếu có một trong những căn cứ quy định tại các điểm 3,4,5, 6 và 7 Điều 107 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 thì HĐXX phúc thẩm ra quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án. Đó là các căn cứ:

- Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự

Theo quy định tại Điều 12 BLHS thì “ người từ đủ 14 tuổi trở lên đến chưa đủ 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về những tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng”. Như vậy, người chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự là người chưa đủ 14 tuổi hoặc là người từ đủ 14 tuổi trở lên đến chưa đủ 16 tuổi nhưng chỉ thực hiện những tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý.

Như vậy, nếu người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự thì là chưa thỏa mãn dấu hiệu về mặt chủ thể của tội phạm, chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, và không cấu thành tội phạm.

- Người mà hành vi của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật.

Việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với một hành vi phạm tội phải dựa theo nguyên tắc một hành vi phạm tội chỉ bị truy cứu trách nhiệm một lần. Vì vậy, khi khởi tố vụ án hình sự và trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử, nếu ở giai đoạn nào phát hiện hành vi phạm tội đang bị truy cứu đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật thì các cơ quan tiến hành tố tụng không được khởi tố vụ án, không được khởi tố bị can, không được truy tố và không được kết án người có hành vi đó nữa. Trường hợp nếu Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo thì HĐXX phúc thẩm phải hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án đối với bị cáo.

- Đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự

Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự là thời hạn do BLHS quy định mà khi hết thời hạn đó thì người phạm tội không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự được tính từ ngày tội phạm được thực hiện. Không áp dụng cách tính thời hiệu này đối với trường hợp người đó phạm tội mới mà BLHS quy định mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là trên 1 năm tù; hoặc người đó cố tình trốn tránh và đã có lệnh truy nã; hoặc người đó phạm các tội xâm phạm an ninh quốc gia và các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh. Do đó, với các trường hợp trên, HĐXX phúc thẩm không ra quyết định hủy án để đình chỉ vụ án.

- Tội phạm đã được đại xá

Quốc hội là cơ quan có thẩm quyền ra quyết định đại xá để miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt đối với người phạm tội hoặc người bị kết án nhằm thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước trong những sự kiện trọng đại của đất nước. Một người đã thực hiện hành vi phạm tội, nhưng trước khi bị khởi tố, tội phạm đó đã được đại xá thì người có hành vi phạm tội không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Nếu Tòa án cấp sơ thẩm vẫn xét xử

trong trường hợp này thì HĐXX phúc thẩm ra quyết định hủy án sơ thẩm và đình chỉ vụ án.

- Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết, trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác

Một người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết trước khi khởi tố vụ án hình sự thì không khởi tố vụ án hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử nếu người phạm tội chết ở giai đoạn nào thì cơ quan tiến hành tố tụng phải đình chỉ vụ án ở giai đoạn đó. Vì buộc một người đã chết chịu biện pháp cưỡng chế của Nhà nước là không cần thiết do không đạt được mục đích trừng phạt và giáo dục, cải tạo họ.

Trong trường hợp sau khi kháng cáo hoặc bị kháng cáo, kháng nghị, bị cáo chết ở giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, thì Tòa án cấp phúc thẩm vẫn phải mở phiên thẩm áp dụng tòa xét xử và ra bản án phúc thẩm, cụ thể như sau:

+) Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo không phạm tội bị kháng cáo, kháng nghị theo hướng có tội, nếu thấy việc tuyên không tội là đúng, thì HĐXX phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự bác kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo không phạm tội; nếu thấy bản án sơ thẩm tuyên bị cáo không phạm tội là không đúng, thì HĐXX phúc thẩm áp dụng điểm d khoản 2 Điều 248, điểm 7 Điều 107 và Điều 251 Bộ luật TTHS 2003 hủy quyết định của án sơ thẩm về phần tuyên bị cáo không phạm tội và đình chỉ vụ án về phần hình sự đối với bị cáo đã chết.

+) Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội bị kháng cáo, kháng nghị, nếu thấy bản án sơ thẩm tuyên bị cáo phạm tội là không đúng thì HĐXX phúc thẩm áp dụng điểm d khoản 2 Điều 248, điểm 2 Điều 107 và Điều 251 Bộ luật TTHS hủy quyết định của án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo không phạm tội và đình chỉ vụ án về phần hình sự đối với bị cáo đã chết; nếu thấy bản án sơ thẩm tuyên bị cáo phạm tội là đúng, thì áp dụng điểm d khoản 2 Điều 248, điểm 7

Điều 107 và Điều 251 Bộ luật tố tụng hình sự hủy quyết định của án sơ thẩm và đình chỉ vụ án về phần hình sự đối với bị cáo đã chết.

Trong các trường hợp trên, quyết định của bản án sơ thẩm bị hủy bao gồm: quyết định về hình phạt chính và hình phạt bổ sung; quyết định về kê biên tài sản để đảm bảo thi hành hình phạt tiền, hình phạt tịch thu tài sản.

+) Nếu xét thấy bị cáo phạm tội nhưng quyết định của án sơ thẩm về tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm đối với bị cáo đã chết là không đúng, thì HĐXX phúc thẩm hủy quyết định này của bản án sơ thẩm ( trừ trường hợp tịch thu vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành, vậy không có giá trị hoặc không sử dụng được); nếu xét thấy quyết định về vấn đề này đối với bị cáo đã chết là đúng, thì HĐXX phúc thẩm giữ nguyên quyết định này của bản án sơ thẩm.

+) Nếu xét thấy bị cáo phạm tội và quyết định của án sơ thẩm về trả lại tài sản, bồi thường thiệt hại đối với bị cáo đã chết là không đúng, thì Tòa án cấp phúc thẩm hủy quyết định này của án sơ thẩm; nếu xét thấy bị cáo không phạm tội nhưng quyết định của án sơ thẩm về trả lại tài sản, bồi thường thiệt hại đối với bị cáo đã chết là đúng và không bị kháng cáo, kháng nghị, thì HĐXX phúc thẩm không xét quyết định này của bản án sơ thẩm về trả lại tài sản, bồi thường thiệt hại; nếu quyết định này của án sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị, thì HĐXX phúc thẩm áp dụng điểm 4 Điều 45 Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án dân sự, tạm đình chỉ việc giải quyết về trả lại tài sản, bồi thường thiệt hại này, đồng thời ủy thác cho Tòa án cấp sơ thẩm xác minh xem có người thừa kế tham gia tố tụng hay không. Nếu có người thừa kế tham gia tố tụng, thì HĐXX phúc thẩm tiến hành xét xử phúc thẩm về phần trả lại tài sản, bồi thường thiệt hại; nếu không có người thừa kế tham gia tố tụng, thì HĐXX phúc thẩm tiến hành xét xử phúc thẩm và áp dụng điểm 4 Điều 69 và điểm 1 Điều 46 Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án dân sự đình chỉ việc giải quyết về phần trả lại tài sản, bồi thường thiệt hại này;

Nếu xét thấy án sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội là đúng và quyết định về phần trả lại tài sản, bồi thường thiệt hại là đúng và có kháng cáo, kháng nghị, thì HĐXX phúc thẩm không xét quyết định này của bản án sơ thẩm.

+) Nếu quyết định của án sơ thẩm về bồi thường thiệt hại đối với bị cáo đã chết bị HĐXX phúc thẩm hủy, thì quyết định của án sơ thẩm về kê biên tài sản để đảm bảo thi hành án và quyết định về bồi thường thiệt hại này đương nhiên bị hủy bỏ, nếu quyết định của án sơ thẩm về bồi thường thiệt hại đối với bị cáo đã chết, mà HĐXX phúc thẩm không xét hoặc quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án về phần trả lại tài sản, bồi thường thiệt hại, thì quyết định của án sơ thẩm về kê biên tài sản để bảo đảm thi hành việc trả lại tài sản, bồi thường thiệt hại vẫn có hiệu lực thi hành; nếu thấy kê biên tài sản này là không cần thiết, thì HĐXX phúc thẩm quyết định hủy quyết định của bản án sơ thẩm về kê biên tài sản này.

Trong trường hợp vụ án có đồng phạm, nhưng chỉ có một người thuộc trường hợp hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án hoặc vụ án có bị cáo bị kết án về nhiều tội phạm khác nhau thì HĐXX phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án đối với tội khác không thuộc trường hợp hủy bản án sơ thẩm thì HĐXX phúc thẩm theo pháp luật chứ không được hủy cả bản án sơ thẩm. Vì vậy, trong phần quyết định của bản án phúc , HĐXX phúc thẩm phải ghi rõ hủy phần nào, đối với ai, đồng thời phải ghi rõ giữ nguyên phần nào của bản án đối với ai.

## **2.2. Những quy định mới của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 về thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm**

Bộ luật TTHS 2003 quy định về xét xử phúc thẩm tại một phần độc lập là phần thứ 4 của của Bộ luật với 23 Điều luật, trong khi Bộ luật TTHS 2015 quy định về xét xử phúc thẩm tại một chương nằm trong phần xét xử vụ án hình sự với hơn 30 điều luật, chưa kể những điều được quy định trong phần chung tại chương XX của phần xét xử vụ án hình sự. Sự thay đổi bố cục của

bộ luật, cùng với sự ra tăng số lượng các điều luật, cho thấy luật tố tụng hình sự 2015 đã mở rộng hơn, chi tiết hơn về xét xử phúc thẩm. Đồng thời, bộ luật TTHS 2015 cũng trở nên khoa học hơn khi tách những quy định chung cho cả sơ thẩm và phúc thẩm thành một chương riêng, tránh trùng lặp với các điều luật cụ thể quy định về nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục; tạm ngừng phiên tòa; Tòa án xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ; tiếp nhận chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án; thành phần hội đồng xét xử; quyết định đưa vụ án ra xét xử; nội quy phiên tòa; phòng xử án; biên bản phiên tòa; biên bản nghị án; bản án; sửa chữa; bổ sung bản án; giao, gửi bản án; phiên dịch tại tòa; kiến nghị sửa chữa, thiếu sót, vi phạm trong công tác quản lý; nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và khi kiểm sát xét xử.

Đảm bảo nguyên tắc tranh tụng trong xét xử là tinh thần mới của Bộ luật TTHS 2015, Chính vì vậy, không chỉ đảm bảo tranh tụng ở giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, Bộ luật TTHS 2015 có những nội dung sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tranh tụng ở cả giai đoạn xét xử phúc thẩm. Cụ thể, ngoài quy định thủ tục bắt đầu phiên tòa và thủ tục tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm được tiến hành như phiên tòa sơ thẩm. Bộ luật còn bổ sung quy định Chủ tọa phiên tòa hỏi người kháng cáo có thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo hay không; nếu có thì chủ tọa phiên tòa yêu cầu Kiểm sát viên trình bày ý kiến về việc thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo. Chủ tọa phiên tòa hỏi Kiểm sát viên có thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị hay không, nếu có thì chủ tọa phiên tòa yêu cầu bị cáo và những người liên quan đến kháng cáo, kháng nghị trình bày ý kiến về việc thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị. Khi tranh tụng tại phiên tòa, kiểm sát viên, người khác liên quan đến kháng cáo, kháng nghị phát biểu ý kiến về nội dung kháng cáo, kháng nghị ( khoản 2 Điều 354)

Thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm đã được Bộ luật TTHS 2015 bổ sung trên tinh thần khắc phục những vướng mắc về việc hủy, sửa bản án sơ thẩm như sau:

- Bổ sung quy định cho HĐXX phúc thẩm có quyền không áp dụng hình phạt bổ sung; không áp dụng biện pháp tư pháp; giảm mức hình phạt tù và cho hưởng án treo. Trường hợp Viện kiểm sát kháng nghị hoặc bị hại kháng cáo yêu cầu thì Hội đồng xét xử phúc thẩm có quyền áp dụng hình phạt bổ sung, áp dụng biện pháp tư pháp, chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nặng hơn hoặc không cho bị cáo hưởng án treo. Đồng thời, cũng tại điều 357, Bộ luật TTHS mới đã bổ sung quy định về căn cứ để sửa bản án sơ thẩm là khi có căn cứ xác định bản án sơ thẩm đã tuyên không đúng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo hoặc có tình tiết mới. [2. tr 332 – 333]

- Bổ sung 02 trường hợp HĐXX phúc thẩm có quyền hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại, đó là: Có căn cứ cho rằng cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm, người phạm tội hoặc để khởi tố, điều tra về tội nặng hơn tội đã tuyên trong bản án sơ thẩm; Có vi nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố (khoản 1 Điều 358)

- Bổ sung 02 trường hợp HĐXX phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại, đó là: Miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt hoặc áp dụng biện pháp tư pháp đối với bị cáo không có căn cứ; bản án sơ thẩm có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật nhưng không thuộc trường hợp HĐXX phúc thẩm sửa bản án ( Khoản 2 Điều 358).

- Cùng với việc quy định thêm thẩm quyền thứ 5 của HĐXX phúc thẩm là “ Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm”, thì bộ luật TTHS 2015 đã bổ sung 01 điều luật để quy định cụ thể căn cứ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền, thời hạn Tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm. Theo điều 348 Bộ luật TTHS 2015 thì:

1. Tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với vụ án mà người kháng cáo đã rút toàn bộ kháng cáo, Viện kiểm sát đã rút toàn bộ kháng nghị. Việc đình chỉ xét xử phúc thẩm trước khi mở phiên tòa do Thẩm phán chủ tọa phiên tòa quyết định, tại phiên tòa do Hội đồng xét xử quyết định. Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm.

2. Trường hợp người kháng cáo rút một phần kháng cáo, Viện kiểm sát rút một phần kháng nghị trước khi mở phiên tòa mà xét thấy không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị khác thì Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phải ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo, kháng nghị đã rút....

## **Kết luận chương 2**

1. Mặc dù Bộ luật TTHS 2015 đang được hoãn thi hành, nhưng sự phát triển của công cuộc lập pháp trong tổ tụng hình sự Việt Nam, tính đến thời điểm này là cả một thành tựu to lớn, đáng được ghi nhận. Bộ luật TTHS 2015 chưa khóa lấp được hết những thiếu sót của Bộ luật TTHS 2003 về thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm, nhưng đã phần nào cụ thể hóa những chơi vơi của luật cũ khi đưa vào thực tế xét xử. Ít nhất, luật tổ tụng mới đã cho ta căn cứ khi nào không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị; khi nào được sửa bản án sơ thẩm; hay thêm những căn cứ mới để hủy bản án sơ thẩm....

2. Tuy nhiên, nhìn về tổng thể thì Bộ luật TTHS 2003 vẫn là một nền tảng pháp lý vững chắc cho công tác xét xử trong suốt hơn 10 năm thi hành, đảm bảo các nguyên tắc xét xử của luật tổ tụng hình sự Việt Nam.

3. Điều quan trọng, là khi Bộ luật TTHS 2015 được khôi phục thời hiệu thi hành, thì bộ máy nhà nước, đặc biệt là các cơ quan tiến hành tố tụng có vận hành kịp theo những sự thay đổi của luật tổ tụng mới hay không?



Đó cũng là vấn đề, mà tại chương cuối cùng của luận văn này, chúng tôi đưa ra để bàn. Chúng ta sẽ nhìn từ thực tế thi hành quy định của pháp luật tố tụng hình sự về thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm trong những năm qua, và rút kinh nghiệm cho việc thực thi luật mới trong thời gian sắp tới.

### Chương 3

## THỰC TIỄN THI HÀNH VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN THẨM QUYỀN CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

### 3.1. Những kết quả đạt được trong quá trình thực hiện thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm

Trong những năm gần đây, hoạt động xét xử phúc thẩm đã có nhiều chuyển biến tích cực, chất lượng xét xử phúc thẩm đã được nâng cao một cách rõ rệt, công tác xét xử phúc thẩm đã thực hiện khá tốt chức năng, nhiệm vụ của mình. Sự chuyển biến đó được phản ánh qua những biểu hiện sau:

*Thứ nhất, về thẩm quyền giữ nguyên bản án sơ thẩm:*

Theo số liệu thống kê của TANDTC trong năm 2014 và 2015, HĐXX phúc thẩm các cấp đã ra quyết định giữ nguyên bản án, quyết định sơ thẩm đối với 37493 bị cáo, chiếm khoảng 48,7 % tổng số bị cáo được đưa ra xét xử phúc thẩm [37, 38].

*Thứ hai, về thẩm quyền sửa bản án thẩm:*

Việc ra quyết định sửa bản án sơ thẩm của HĐXX phúc thẩm trong năm 2014 và năm 2015 cụ thể như sau:

- Miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt cho 43 bị cáo ( chiếm 0,2%) trên tổng số bị cáo được ra quyết định sửa bản án.
- Sửa phần dân sự đối với 1351 bị cáo ( chiếm 3,8 %) trên tổng số bị cáo được ra quyết định sửa bản án.
- Sửa phần hình phạt bổ sung đối với 192 bị cáo ( chiếm 0,53 %) trên tổng số bị cáo được ra quyết định sửa bản án.
- Chuyển từ án treo sang hình phạt tù đối với 520 bị cáo ( chiếm 1,45 %) trên tổng số bị cáo được ra quyết định sửa bản án.

- Chuyển từ hình phạt khác sang hình phạt tù đối với 66 bị cáo ( chiếm 0,19 %) trên tổng số bị cáo được ra quyết định sửa bản án.

- Tăng hình phạt đối với 1838 bị cáo ( chiếm 5,2 %) trên tổng số bị cáo được ra quyết định sửa bản án.

- Chuyển từ hình phạt tù sang cho hưởng án treo đối với 4564 bị cáo ( chiếm 25,6 %) trên tổng số bị cáo được ra quyết định sửa bản án.

- Chuyển từ hình phạt tù sang các hình phạt khác không phải giam giữ đối với 370 bị cáo ( chiếm 2,1 %) trên tổng số bị cáo được ra quyết định sửa bản án.

- Giảm hình phạt đối với 6702 bị cáo ( chiếm 37,4 %) trên tổng số bị cáo được ra quyết định sửa bản án.

- Thay đổi tội danh đối với 76 bị cáo ( chiếm 0,4 %) trên tổng số bị cáo được ra quyết định sửa bản án.

- Sửa bản án quyết định sơ thẩm do quyết định sơ thẩm sai 823 bị cáo ( chiếm 4,57 %) trên tổng số bị cáo được ra quyết định sửa bản án

- Sửa bản án quyết định sơ thẩm do có tình tiết mới đối với 3398 bị cáo ( chiếm 18,9 %) trên tổng số bị cáo được ra quyết định sửa bản án [37, 38].

#### *Thứ ba, về thẩm quyền hủy bản án sơ thẩm:*

Theo số liệu thống kê của TANDTC trong hai năm 2014 và 2015, HĐXX phúc thẩm các cấp đã ra quyết định Hủy bản án sơ thẩm với 3591 bị cáo. Trung bình mỗi năm, HĐXX phúc thẩm đã:

- Hủy bản án, quyết định sơ thẩm và tuyên bố bị cáo không có tội đối với 9 bị cáo ( chiếm khoảng 0,5 % tổng số quyết định hủy bản án sơ thẩm).

- Hủy bản án, quyết định sơ thẩm và đình chỉ vụ án với 23 bị cáo ( chiếm khoảng 1,53 % tổng số quyết định hủy bản án sơ thẩm)

- Hủy bản án, quyết định sơ thẩm để điều tra lại đối với 791 bị cáo ( chiếm khoảng 44,1 % tổng số quyết định hủy bản án sơ thẩm)

- Hủy bản án, quyết định sơ thẩm để xét xử lại đối với 338 bị cáo (chiếm khoảng 18,8 % tổng số quyết định hủy bản án sơ thẩm)

- Hủy bản án, quyết định sơ thẩm do có tình tiết mới đối với 130 bị cáo (chiếm khoảng 7,2 % tổng số quyết định hủy bản án sơ thẩm)

- Hủy bản án, quyết định sơ thẩm do cấp sơ thẩm sai đối với 500 bị cáo (chiếm khoảng 27,5 % tổng số quyết định hủy bản án sơ thẩm).

Ngoài ra, qua nghiên cứu thực tiễn giải xét xử phúc thẩm cho thấy:

- *Hội đồng xét xử phúc thẩm đã giải quyết, xét xử được một số lượng rất lớn các vụ án theo thủ tục phúc thẩm, đảm bảo đúng thời hạn luật định [37, 38].*

Dưới đây là bảng thống kê số lượng vụ án và các bị cáo được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý và số vụ án đã giải quyết trong 2 năm 2014 và 2015

*Bảng 3.1: Bảng số liệu thống kê số lượng vụ án và bị cáo được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý và số vụ án đã giải quyết trong 2 năm 2014 và 2015*

| Năm         | Tổng số vụ án đã thụ lý |              | Số vụ án đã giải quyết |              | Tỷ lệ (%) số vụ đã giải quyết |              | Tỷ lệ (%) số vụ còn lại |             |
|-------------|-------------------------|--------------|------------------------|--------------|-------------------------------|--------------|-------------------------|-------------|
|             | Vụ                      | Bị cáo       | Vụ                     | Bị cáo       | Vụ                            | Bị cáo       | Vụ                      | Bị cáo      |
| 2014        | 30023                   | 46275        | 29104                  | 44502        | 97%                           | 96%          | 3%                      | 4%          |
| 2015        | 27727                   | 43281        | 26366                  | 40332        | 95%                           | 93%          | 5%                      | 7%          |
| <b>Tổng</b> | <b>57750</b>            | <b>89556</b> | <b>55470</b>           | <b>84834</b> | <b>96%</b>                    | <b>94,7%</b> | <b>4%</b>               | <b>5,3%</b> |

Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác từ năm 2014 và 2015 của TANDTC [37, 38]

Bản báo cáo trên cho thấy, trong hai năm qua Tòa án cấp phúc thẩm đã thụ lý và giải quyết số lượng án rất lớn. Giải quyết được 55470 vụ trên tổng số 57750 vụ án đã thụ lý (đạt tỷ lệ 96%); tương ứng với 84834 bị cáo trên tổng số 89556 bị cáo (đạt tỷ lệ 94,7 %). Nhìn chung tỷ lệ giải quyết các vụ án

hình sự theo thủ tục phúc thẩm luôn đạt trên 95% , điều này đã thể hiện sự nỗ lực không nhỏ của HĐXX phúc thẩm trong công tác xét xử.

- Hội đồng xét xử phúc thẩm đã kịp thời phát hiện và khắc phục những thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm thông qua việc xem xét và ra các quyết định để giải quyết đúng đắn vụ án.

Điều này được thể hiện thông qua các quyết định của HĐXX phúc thẩm đối với những bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị. ( Chi phân tích số bị cáo đã xét xử đến tù chung thân)

*Bảng 3.2: Bảng thống kê các quyết định của HĐXX phúc thẩm*

| Năm               | Số bị cáo đã xét xử | Quyết định của HĐXX phúc thẩm         |              |                |              |               |             |
|-------------------|---------------------|---------------------------------------|--------------|----------------|--------------|---------------|-------------|
|                   |                     | Giữ nguyên bản án, quyết định sơ thẩm |              | Sửa án         |              | Hủy án        |             |
|                   |                     | Bị cáo                                | Tỷ lệ        | Bị cáo         | Tỷ lệ        | Bị cáo        | Tỷ lệ       |
| 2014              | 41041               | 19860                                 | 48,4%        | 19378          | 47,2%        | 1803          | 4,4%        |
| 2015              | 35958               | 17633                                 | 49%          | 16537          | 46%          | 1788          | 5%          |
| <b>Trung bình</b> | <b>38499,5</b>      | <b>18746,5</b>                        | <b>48,7%</b> | <b>17957,5</b> | <b>46,6%</b> | <b>1795,5</b> | <b>4,7%</b> |

Nguồn: Thống kê của TANDTC năm 2014 và 2015 phần các bị cáo bị xét xử đến tù chung thân [37, 38]

Từ bảng thống kê trên cho thấy, chất lượng thực hiện thẩm quyền giải quyết vụ án thông qua quyền ra quyết định của HĐXX phúc thẩm trong hai năm qua không ngừng được nâng cao. Trong hai năm, HĐXX ra quyết định sửa án đối với hơn 17957 bị cáo mỗi năm ( đạt 46,6 %); quyết định hủy bản án đối với hơn 1795 bị cáo mỗi năm ( đạt 4,7%).

### **3.2. Những hạn chế, vướng mắc trong việc thực hiện thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003**

Bên cạnh những kết quả đạt được trong quá trình thực hiện thẩm quyền của mình, HĐXX phúc thẩm cũng gặp không ít khó khăn và vướng mắc.

*- HĐXX phúc thẩm vẫn chưa giải quyết được kịp thời tất cả các vụ án đã thụ lý, tình trạng tồn đọng án vẫn còn*

Trong hai năm gần đây, số lượng các vụ án tồn đọng thể hiện qua số liệu thống kê của TANDTC cho thấy trung bình mỗi năm tồn đọng đến 1140 vụ án đã thụ lý nhưng chưa xét xử, dẫn đến hơn 2361 bị cáo phải chờ đợi định đoạt thân phận pháp lý. Chưa kể, số vụ án tồn đọng năm 2015 tăng đến 19% so với năm 2014. Mặc dù TANDTC không có số liệu thống kê cụ thể về số lượng các vụ án tồn đọng quá hạn luật định nhưng qua trao đổi với các cán bộ chuyên môn làm công tác xét xử tại TANDTC thì hiện nay vẫn còn không ít các vụ án đã vi phạm pháp luật về thời hạn xét xử hoặc có nguy cơ bị quá hạn xét xử nếu không được Tòa án cấp phúc thẩm có những biện pháp giải quyết kịp thời và hiệu quả.

*- HĐXX phúc thẩm còn gặp không ít lúng túng, không thống nhất khi áp dụng điều khoản của Bộ luật hình sự, Bộ luật TTHS 2003 và những văn bản hướng dẫn thi hành.*

Quy định về vấn đề sửa quyết định xử lý vật chứng được nêu trong Điều 249 Bộ luật TTHS 2003, trong trường hợp HĐXX sơ thẩm không ra quyết định về xử lý vật chứng thì nhiều HĐXX phúc thẩm gặp vướng mắc do không có cơ sở để sửa quyết định. Trên thực tế, HĐXX phúc thẩm ra quyết định xử lý vật chứng như một sự sửa chữa những sai lầm, thiếu sót của cấp xét xử sơ thẩm nếu việc thiếu sót đó ảnh hưởng không lớn đến việc giải quyết nội dung vụ án, cũng như quyền lợi hợp pháp của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Cũng có nơi cho rằng nếu việc quyết định xử lý vật chứng của cấp sơ thẩm gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới tính đúng đắn, chính xác của

bản án thì HĐXX phúc thẩm lấy căn cứ đó là căn cứ hủy bản án sơ thẩm để xét lại khi có “vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng” được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 250 Bộ luật TTHS2003. Hay những quy định về thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm không quy định căn cứ giải quyết trong trường hợp bỏ lọt tội phạm, gây nhiều tranh luận trong việc giải quyết.

### **3.3. Nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn thi hành các quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về thẩm quyền của hội đồng xét xử phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm**

Qua sự phân tích những số liệu thống kê của Tòa án nhân dân tối cao về việc thực hiện thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm trong hai năm gần đây, ta nhận thấy không ít những bất cập cần được khắc phục, và điều quan trọng là phải tìm ra nguyên nhân dẫn đến những bất cập đó. Chúng tôi nghiên cứu và rút ra một số nguyên nhân chính sau:

#### ***3.3.1. Nguyên nhân về mặt pháp luật***

Sự không đồng bộ của hệ thống pháp luật, cụ thể là Bộ luật tố tụng hình sự 2003 và các văn bản hướng dẫn thực hiện còn chưa đầy đủ, còn nhiều vấn đề tồn tại trên thực tế vẫn chưa được đề cập đến, pháp luật không theo kịp với sự phát triển của xã hội. Cụ thể:

- Về thẩm quyền không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm của HĐXX phúc thẩm. Điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật TTHS 2003 không quy định căn cứ để áp dụng quyết định này. Khi quy định về quyền hạn của HĐXX phúc thẩm cần phải đồng thời quy định những căn cứ để áp dụng các quyền hạn đó tránh tình trạng HĐXX áp dụng một cách tùy tiện theo ý muốn chủ quan của mình dẫn đến việc có trường hợp HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị nhưng cũng không giữ nguyên bản án sơ thẩm mà lại sửa bản án sơ thẩm. Ví dụ như: Người bị hại kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo, HĐXX phúc thẩm thấy hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng quá nặng rồi, trong khi có căn cứ để

giảm hình phạt nên HĐXX phúc thẩm bác kháng cáo và sửa bản án sơ thẩm bằng cách giảm hình phạt cho bị cáo.

- *Về thẩm quyền sửa bản án sơ thẩm của HĐXX phúc thẩm:* Bộ luật TTHS 2003 quy định HĐXX phúc thẩm có quyền sửa bản án sơ thẩm theo hai hướng có lợi và bất lợi. Cũng giống như trường hợp thiếu căn cứ để không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị, thì Bộ luật TTHS 2003 cũng chỉ nêu các quyền sửa bản án mà không đưa ra những căn cứ áp dụng các quyền đó. Luật tố tụng hình sự mới chỉ quy định: sửa bản án theo hướng có lợi thì không phụ thuộc vào nội dung kháng cáo, kháng nghị (khoản 1 Điều 249 Bộ luật TTHS 2003) và chỉ sửa bản án sơ thẩm theo hướng bất lợi khi có kháng cáo, kháng nghị yêu cầu tăng hình phạt ( khoản 3 Điều 249 Bộ luật TTHS 2003).

Để sửa bản án sơ thẩm, HĐXX phải dẫn chiếu đến các căn cứ của Bộ luật hình sự như: miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi có căn cứ quy định tại Điều 25 và khoản 2 Điều 69 Bộ luật hình sự; miễn hình phạt cho bị cáo trong trường hợp có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; hay cho bị cáo hưởng án treo, giảm thời gian thử thách khi có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 60 Bộ luật hình sự. Tại điều 249 Bộ luật TTHS 2003 không ngừng đề cập đến cụm từ “ nếu có căn cứ”, vậy tại sao không quy định rõ căn cứ ở đây là gì? Suy cho cùng thì bản chất của căn cứ đó đều là sự sai lầm của Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự và Bộ luật dân sự. Vậy có thể coi đây là căn cứ chung cho quyết định sửa bản án của HĐXX phúc thẩm.

Khoản 2 Điều 249 Bộ luật TTHS 2003 quy định HĐXX phúc thẩm có quyền sửa bản án sơ thẩm theo hướng có lợi cho cả những bị cáo không kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị. Đây được coi là trường hợp cần thiết mà HĐXX phúc thẩm có thể xem xét cả những phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị như theo đúng tinh thần của Điều 241 Bộ luật TTHS 2003 về phạm vi xét xử phúc thẩm. Theo quy định tại khoản 2



Điều 249, HĐXX phúc thẩm có thể giảm hình phạt hoặc áp dụng điều khoản BLHS về tội nhẹ hơn, chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn, giữ nguyên mức phạt tù và cho hưởng án treo cho cả những bị cáo không kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị. Vậy nếu có căn cứ, HĐXX phúc thẩm cũng không được miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt hoặc giảm mức bồi thường thiệt hại cho những bị cáo không kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị. Đây là một quy định bất hợp lý và vô hình chung đã thu hẹp quyền hạn của HĐXX phúc thẩm.

Khoản 3 Điều 249 Bộ luật TTHS 2003 quy định các trường hợp sửa bản án sơ thẩm theo hướng không có lợi cho bị cáo của HĐXX phúc thẩm bao gồm quyết định tăng hình phạt, áp dụng điều khoản Bộ luật hình sự về tội nặng hơn, tăng mức bồi thường thiệt hại. Có một lỗi trong kỹ thuật lập pháp ở đây. Vì: Theo mục 3.3 Nghị quyết 05/2005/NQ – HĐTP ngày 28/12/2005 của TANDTC hướng dẫn về việc sửa án theo hướng không có lợi cho bị cáo vắng mặt tại phiên tòa gồm: “ tăng hình phạt, chuyển khung hình phạt nặng hơn; không cho hưởng án treo đối với bị cáo được Tòa án cấp sơ thẩm cho hưởng án treo; tăng mức bồi thường thiệt hại; áp dụng thêm hình phạt bổ sung; áp dụng thêm biện pháp tư pháp so với bản án hoặc quyết định sơ thẩm”. Như vậy, nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán TANDTC đã bổ sung các trường hợp HĐXX phúc thẩm có thể quyết định áp dụng thêm hình phạt bổ sung, không cho bị cáo hưởng án treo mà buộc phải chấp hành hình phạt tù, áp dụng thêm biện pháp tư pháp so với bản án hoặc quyết định sơ thẩm mà không được quy định rõ ràng, đầy đủ tại khoản 3 Điều 249 Bộ luật TTHS . Tuy nhiên, nghị quyết trên chỉ hướng dẫn trong trường hợp bị cáo vắng mặt tại phiên tòa mà không phải là hướng dẫn trong mọi trường hợp. Vì vậy, cần phải bổ sung quy định về các quyết định của HĐXX phúc thẩm khi sửa án theo hướng không có lợi cho bị cáo.

Có một thiếu sót không nhỏ nữa, là trong quy định tại khoản 3 Điều 249 cũng không quy định người đại diện hợp pháp của người bị hại có quyền kháng cáo tăng nặng hình phạt, áp dụng điều khoản Bộ luật hình sự về tội nặng hơn, tăng mức bồi thường thiệt hại. Theo quy định tại Điều 51 Điều 231 Bộ luật TTHS 2003 và hướng dẫn tại mục 1.3 chương I Nghị quyết 05/2005/NQ – HĐTP ngày 08/12/2005 của TANDTC thì người đại diện hợp pháp của người bị hại có quyền kháng cáo toàn bộ bản án hoặc quyết định sơ thẩm theo hướng có lợi cho bị cáo hoặc theo hướng làm xấu hơn tình trạng của bị cáo. Do đó, cần bổ sung thêm trường hợp có đơn kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại nhằm bảo đảm quyền lợi chính đáng cho người bị hại và phù hợp với điều 51, điều 231 Bộ luật TTHS 2003. Tại Bộ luật TTHS 2015 cũng chưa quy định bổ sung vấn đề này.

*- Về thẩm quyền hủy bản án sơ thẩm để điều tra hoặc xét xử lại:*

Khoản 1 Điều 250 Bộ luật TTHS 2003 quy định HĐXX phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại khi nhận thấy việc điều tra ở cấp sơ thẩm là không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được. Vậy, như thế nào là điều tra không đầy đủ? Hiện nay chưa có một văn bản nào hướng dẫn về vấn đề này, khiến hoạt động xét xử phúc thẩm trở nên mong manh. HĐXX phúc thẩm sẽ phải đắn đo rất nhiều khi đưa ra quyết định hủy một bản án sơ thẩm. Ví dụ như trong trường hợp sau, HĐXX phúc thẩm có thể xác định đây là việc điều tra không đầy đủ không?

“ Ngày 07 tháng 6 năm 2016, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 04/HSPT ngày 21/1/2006. Do có kháng cáo của đại diện hợp pháp của người bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 16/2015/HSST ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Trong đơn kháng cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại cho rằng quá trình điều tra chưa đầy đủ, không thực nghiệm điều

tra, dẫn đến bỏ lọt tội phạm và hình phạt đối với bị cáo là chưa tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo”.

Việc điều tra không đầy đủ là một phạm trù rất rộng, nó không chỉ là việc không thực nghiệm điều tra như trong hồ sơ hình sự trên mà còn có thể là việc điều tra không khách quan, quá trình điều tra vi phạm thủ tục tố tụng nghiêm trọng. Trong Bộ luật TTHS 2003 đã quy định rất chung chung, lại thiếu văn bản hướng dẫn thi hành, dẫn đến việc thực thi trong thực tiễn còn rụt rè và gặp nhiều khó khăn. May mắn là Bộ luật TTHS 2015 đã quy định thêm hai căn cứ cụ thể cho trường hợp hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại tại điểm a và c khoản 1 Điều 358, đó là khi: “có căn cứ cho rằng cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm, người phạm tội hoặc để khởi tố, điều tra về tội nặng hơn tội đã tuyên trong bản án sơ thẩm và có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố”.

- *Về thẩm quyền hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án:* Đối với quy định của Điều luật này, hầu như không có bất cập, tuy nhiên có một số vấn đề cần được quy định rõ ràng hơn. Theo quy định của điều luật, khi có căn cứ quy định tại điểm 1 và điểm 2 Điều 107 Bộ luật này thì HĐXX phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo không có tội và đình chỉ vụ án. Theo chúng tôi, cần phân biệt hai trường hợp:

Trường hợp 1: Nếu Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo vô tội mà quyết định đó là đúng thì HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm, tuyên bị cáo không phạm tội.

Trường hợp 2: Nếu Tòa án cấp sơ thẩm kết tội bị cáo mà quyết định đó là sai thì HĐXX phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, tuyên bị cáo không phạm tội và đình chỉ vụ án.

Ngoài ra, Điều 251 Bộ luật TTHS 2003 xác định trường hợp “ người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự ( khoản 3 Điều 107 Bộ luật TTHS 2003) là căn cứ để HĐXX phúc thẩm ra

quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án mà không tuyên bố bị cáo không phạm tội là quyết định không hợp lý. Bởi lẽ, tuổi chịu trách nhiệm hình sự cũng là một dấu hiệu pháp lý bắt buộc của yếu tố chủ thể trong cấu thành tội phạm. Một người chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự thì hành vi củ họ không cấu thành tội phạm và đương nhiên không phải là tội phạm. [38, tr 50]. Do đó phải xác định đây là căn cứ để HĐXX phúc thẩm ra quyết định hủy bản án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo không phạm tội và đình chỉ vụ án.

### **3.3.2. Một số nguyên nhân khác**

*- Thứ nhất: Đội ngũ Thẩm phán chưa thực sự đáp ứng yêu cầu của công tác xét xử phúc thẩm*

Tồn đọng án, đặc biệt là án quá hạn trở thành một điểm nhức nhối của ngành Tòa án, có quá nhiều bản án sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị mỗi năm và có không ít những kháng cáo mang tính chất cầu may của các bị cáo kêu oan hoặc xin giảm hình phạt nhằm kéo dài thời gian để chưa phải đi thi hành án phạt tù; chưa kể đến những kháng nghị của Viện kiểm sát thiếu chính xác; hay có những vụ án quá phức tạp, có đông người tham gia tố tụng mà lại cứ trú trên nhiều địa bàn khác nhau. Trong khi số lượng cán bộ, Thẩm phán chưa đủ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, năng lực xét xử của một số Thẩm phán còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của công tác xét xử nói chung và hoạt động xét xử phúc thẩm nói riêng. Trình độ của một số thẩm phán chưa ngang tầm yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, xã hội bùng nổ sự phát triển mọi mặt, tội phạm công nghệ cao xuất hiện ngày càng nhiều, trong khi những hiểu biết về ngoại ngữ hay tin học của một số thẩm phán còn quá hạn chế. Thẩm phán có trình độ cử nhân luật chính quy và trên đại học tập trung chủ yếu ở các thành phố lớn, tình trạng nợ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ vẫn còn. Đội ngũ thẩm phán chưa thực sự ổn định, chuyên nghiệp, do công tác xây dựng đội ngũ Thẩm phán còn gặp không ít bất cập và khó khăn.

*- Thứ hai: Nguyên nhân từ yếu tố cơ sở vật chất – kỹ thuật*

Cơ chế quản lý, sử dụng và chế độ đãi ngộ, chính sách đãi ngộ, nhất là tiền lương, phụ cấp Thẩm phán còn nhiều bất hợp lý, chưa tương xứng với tính chất nghề nghiệp và chế độ trách nhiệm pháp lý, chưa thực sự có sức hấp dẫn, chưa tạo được động lực khuyến khích đội ngũ Thẩm phán đề cao trách nhiệm, phấn đấu rèn luyện nâng cao phẩm chất đạo đức, năng lực công tác, chưa thu hút được người tài phục vụ cho cơ quan Tòa án.

Công tác đào tạo Thẩm phán còn chậm chưa được đổi mới, chưa gắn với yêu cầu xây dựng đội ngũ thẩm phán chuyên nghiệp, hiện đại, phục vụ nhu cầu của sự nghiệp đổi mới. Công cụ quản lý đội ngũ Thẩm phán chưa thống nhất trong ngành Tòa án nhân dân.

Trụ sở - điều kiện làm việc của đội ngũ Thẩm phán chưa đáp ứng yêu cầu công tác. Mặc dù, ngành Tòa án đã được Đảng và Nhà nước quan tâm, tăng cường cơ sở vật chất và trang thiết bị làm việc của ngành nhưng vẫn chưa đáp ứng được hết nhu cầu của hoạt động xét xử. Các trụ sở Tòa án hiện nay chưa có hệ thống phòng cách ly, mô hình phòng xét xử chưa phù hợp; một số Tòa án còn rất chật hẹp, không đủ phòng làm việc, phòng nghiên cứu hồ sơ cho đội ngũ Thẩm phán và cán bộ Tòa án, chưa có hệ thống âm thanh và các phương tiện ghi âm, ghi hình, máy chiếu có chất lượng tốt phục vụ công tác xét xử...

*- Thứ ba: Nguyên nhân từ lề lối làm việc*

Cơ chế “ duyệt án”, “ báo cáo án” vẫn còn tồn tại như một lề lối làm việc bất thành văn ở nhiều Tòa án địa phương đã làm giảm hiệu quả của hoạt động xét xử. Đó là cơ chế thỉnh thị, trao đổi, chỉ đạo cụ thể về tội danh và khung hình phạt trong từng vụ án cụ thể, giữa Tòa án cấp trên và Tòa án cấp dưới, giữa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa với tập thể Thẩm phán hoặc lãnh đạo Tòa án hay hình thức họp trừ bị giữa ba ngành Công an, Viện kiểm sát, Tòa án... Cơ chế này dẫn đến việc HĐXX ra quyết không dựa chủ yếu vào kết

quả tranh tụng, diễn biến của phiên tòa mà dựa vào “ án bỏ túi”, vào ý kiến chỉ đạo của Tòa án cấp trên, vào đường lối giải quyết đã được bàn bạc, thống nhất trước... làm cho hoạt động xét xử tại phiên tòa thực hiện thiếu nghiêm túc, các hoạt động tố tụng trở nên hình thức, thuần túy mang tính thủ tục chứ không thực sự hướng đến mục đích làm sáng tỏ sự thật vụ án. Nguyên tắc độc lập xét xử không được thực hiện nghiêm trong thực tế.

### **3.4. Giải pháp nhằm tăng cường các biện pháp bảo đảm thực hiện thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm**

Trên con đường lập pháp của chúng ta khó tránh khỏi những thiếu sót, nhưng không có nghĩa rằng chúng ta ngừng công cuộc hoàn thiện pháp luật. Bởi pháp luật được tạo ra để đảm bảo một cuộc sống tốt nhất cho toàn xã hội. Để khắc phục những bất cập, tồn tại và vướng mắc trong thực tiễn, nâng cao chất lượng, hiệu quả xét xử của HĐXX phúc thẩm cần tiến hành một cách đồng bộ những giải pháp sau:

#### ***3.4.1. Giải pháp về mặt pháp luật***

Như đã trình bày ở mục 3.3.1 Bộ luật TTHS 2003 với hơn 10 năm thi hành, cho đến nay đã có không ít những vướng mắc. Nhiều bất cập đã được khắc phục và bổ sung trong Bộ luật TTHS 2015 như:

- Để phù hợp với thực tiễn xét xử vụ án hình sự, thống nhất với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật tố tụng hành chính, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã bổ sung điều luật quy định về căn cứ, thủ tục, thẩm quyền, thời hạn TA cấp phúc thẩm ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm;

- Để khắc phục vướng mắc hiện nay do HĐXX phúc thẩm không có đầy đủ thẩm quyền trong việc hủy, sửa bản án sơ thẩm nên phải kiến nghị tòa án cấp trên kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm làm kéo dài thời hạn giải quyết vụ án;

- Ngoài ra BLTTHS năm 2015 còn quy định rõ ràng và đầy đủ hơn thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm đối với quyết định sơ thẩm.

Mặc dù BLTTHS năm 2015 đã được ban hành, nhưng theo Nghị quyết 144/2016/QH13 về việc lùi hiệu lực thi hành của BLTTHS số 101/2015/QH13... từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 đến ngày Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 có hiệu lực thi hành...[22], theo chúng tôi cần phải tăng cường các biện pháp triển khai thực hiện quy định của BLTTHS nói chung cũng như về thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm đối với bản án, quyết định sơ thẩm là cần thiết để đảm bảo cho việc thực thi Bộ luật mới trong thời gian tới, nhằm có một sự đồng bộ hóa các văn bản pháp luật, tránh sự chòng chéo và thiếu những văn bản hướng dẫn dưới luật gây lúng túng trong công tác xét xử, đặc biệt là xét xử phúc thẩm.

### **3.4.2. Một số giải pháp khác**

- Về công tác cán bộ:

+) Tăng cường, bổ sung nhân lực cho các Tòa án nhằm giảm thiểu tình trạng quá tải trong công tác xét xử. Không ngừng thực hiện việc luân chuyển, điều động, biệt phái Thẩm phán giữa các địa phương nhằm giải quyết tình trạng thiếu nhân lực hiện nay.

+) Nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức, ý thức chính trị, lương tâm và trách nhiệm nghề nghiệp của đội ngũ Thẩm phán là yêu cầu mang tính thường xuyên, liên tục trong công cuộc cải cách tư pháp. Chất lượng cán bộ phải được chú trọng ngay từ khâu tuyển dụng và bổ nhiệm. Chuyển từ cơ chế xét tuyển hiện nay sang cơ chế thi tuyển, lựa chọn những người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và khả năng thực tế thực hiện nhiệm vụ để bổ nhiệm các chức danh tư pháp. Xây dựng đội ngũ Thẩm phán chuyên trách theo từng loại án ( dân sự, hình sự, kinh tế...) ngay từ khâu đào tạo, các thẩm phán đã được đào tạo trở thành chuyên gia trong việc xét xử một loại án nhất định, đảm bảo họ có kiến thức chuyên sâu và dày dặn kinh nghiệm trong lĩnh vực được phân công, kịp thời cập nhật văn bản pháp luật, giúp nâng cao chất lượng hoạt động chứng minh. Cần đổi mới

chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ thẩm phán; tăng cường nội dung đào tạo chuyên sâu về hoạt động trong tố tụng hình sự. Thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, tập huấn về tin học, ngoại ngữ, các kiến thức khoa học kỹ thuật hình sự mới và các thông tin kiến thức pháp luật ở những lĩnh vực mới như: Thuế, thương mại quốc tế, thị trường chứng khoán, thương mại điện tử... cho đội ngũ thẩm phán nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Bên cạnh việc tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ tập trung. Thẩm phán cần chủ động tự nghiên cứu, học hỏi kinh nghiệm, thường xuyên cập nhật văn bản pháp luật và các kiến thức bổ trợ cần thiết khác.

+) Coi trọng công tác giáo dục, chính trị tư tưởng, rèn luyện phẩm chất đạo đức cho đội ngũ Thẩm phán để chủ thể này nâng cao trách nhiệm trong công tác rèn luyện bản lĩnh vững vàng, dũng cảm đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực và vi phạm pháp luật. Kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh những Thẩm phán có vi phạm.

*- Về giải pháp tăng cường cơ sở vật chất – kỹ thuật*

Ngành tư pháp nói chung và ngành Tòa án nói riêng cần phải được đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc hiện đại. Cần đầu tư xây dựng trụ sở Tòa án với đầy đủ phòng làm việc, phòng xét xử, phòng cách ly, phòng nghị án và phòng chờ của kiểm sát viên, luật sư..., trang bị đầy đủ các thiết bị kỹ thuật hiện đại, tiên tiến phục vụ công tác xét xử; trang bị đầy đủ các văn bản pháp luật và tài liệu nghiên cứu chuyên sâu cho từng Thẩm phán.

Cải cách chế độ tiền lương, phụ cấp nghề nghiệp và thù lao đối với các chức danh tư pháp tương xứng với mặt bằng thu nhập chung của xã hội. Chế độ đã ngộ thỏa đáng đối với Thẩm phán đảm bảo để họ và gia đình có thể sống đầy đủ bằng chính đồng lương của mình mà không phải lo mưu sinh, giữ vững tinh thần làm việc, sự yên tâm công tác cho thẩm phán.

*- Thay đổi lề lối làm việc*



Cần xóa bỏ tình trạng “ duyệt án”, “ báo cáo án” tron một số Tòa án địa phương hiện nay. Trong một cơ quan Tòa án, các chức danh lãnh đạo Tòa án không được can thiệp, chỉ đạo các thẩm phán về nội dung, đường lối xét xử, áp dụng pháp luật trong từng vụ án cụ thể, không được yêu cầu thẩm phán phải báo cáo, thỉnh thị, chấp hành sự chỉ đạo của mình vì bất kì lý do hay động cơ nào.

### **Kết luận chương 3**

1. Không thể phủ nhận vai trò của Bộ luật TTHS 2003 trong suốt 13 năm qua, đặc biệt đối với công tác xét xử. Hành lang pháp lý Bộ luật TTHS 2003 xây dựng lên là khá vững chắc đối với các chế định, đặc biệt là chế định về thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm. Kết quả của hoạt động xét xử phúc thẩm trong những năm gần đây cho thấy, thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm được vận hành một cách tối đa trong công tác xét xử, mang lại hiệu quả cao cả về số lượng và chất lượng đối với việc xét xử phúc thẩm.

2. Bên cạnh những thành tựu mà công tác xét xử phúc thẩm đã đạt được là không ít những vướng mắc, thiếu sót cần được chỉ rõ và chờ được khắc phục một cách nhanh nhất. Việc dẫn đến những bất cập trên, không phải vì pháp luật của chúng ta đã sai hay đang sai, mà bởi sự trù liệu của pháp luật là quá nhỏ bé so với những gì bùng nổ ngoài xã hội. Chính vì vậy, chúng ta cần liên tục chỉ ra những chỗ sai sót và yếu kém để được khắc phục một cách nhanh nhất, hiệu quả nhất. Đảm bảo công tác xét xử, đặc biệt ở cấp xét xử thứ hai được công minh và kịp thời.

3. Việc sửa đổi, hoàn thiện chế định pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả việc thực hiện thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm cần được thực hiện đồng bộ trên toàn hệ thống văn bản pháp luật, đồng thời phối kết hợp với những biện pháp hoàn thiện khác.

## KẾT LUẬN

1. Với ba chương trong luận văn, đã đưa ra một cái nhìn logic và tổng thể về thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam. Đó là sự nhìn nhận sâu chuỗi từ lí luận, đến quy định pháp luật và thực tiễn thi hành.

2. Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận, luận văn đã làm rõ khía cạnh thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm. Theo đó, thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm phúc thẩm là tổng hợp các quyền mà pháp luật quy định cho Hội đồng xét xử phúc thẩm được xem xét và quyết định trong phạm vi xét xử phúc thẩm đối với vụ án hình sự mà bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị, trên cơ sở kiểm tra lại tính hợp pháp và tính có căn cứ của bản án sơ thẩm đó, đồng thời giải quyết vụ án hình sự về nội dung bằng một bản án hoặc quyết định hợp pháp và có căn cứ;

3. So với quy định trong Bộ luật TTHS 2003 về thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm thì Bộ luật TTHS 2015 khả thi hơn, xác thực hơn và khắc phục được nhiều vướng mắc trong thực tế hơn, đó cũng chính là sự tiến dần đến giới hạn hoàn hảo của con đường lập pháp Việt Nam;

4. Thực tiễn thi hành BLTTHS năm 2003 cho thấy, có nhiều nguyên nhân dẫn đến hạn chế, vướng mắc trong việc thực hiện thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm. Đó là nguyên nhân từ quy định thiếu chặt chẽ trong BLTTHS, từ trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của thẩm phán...;

5. Trong những năm gần đây, án oan sai ngày càng được phát hiện nhiều. Chúng ta có đến hai cấp xét xử, với những thẩm quyền được quy định rất rõ ràng, vậy tại sao việc bỏ lọt tội phạm, việc xử sai người, sai tội vẫn diễn

ra? Trong luận văn này, tác giả đã phân tích rất rõ thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm đã được pháp luật trao cho, đặc biệt còn được bổ sung trong thời gian tới, đồng thời đưa ra các giải pháp bảo đảm thực hiện tốt hơn nữa thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm trong thời gian tới.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngô Thị Ánh (2007), luận văn thạc sĩ “ *Giới hạn xét xử trong TTHS Việt Nam*” của tác giả Ngô Thị Ánh;
2. Nguyễn Hòa Bình (2016), *Những nội dung mới trong Bộ luật Tố tụng hình sự 2015*, Nxb Chính trị quốc gia
3. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết số 08 – NQ/TW ngày 02/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội;
4. Bộ chính trị (2005), *Nghị quyết số 48 – NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010*, Hà Nội;
5. Bộ chính trị (2005), *Nghị quyết số 49 – NQ/TW ngày 02/6/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội;
6. Bộ tư pháp (2006), *Từ điển luật học*, Bộ tư pháp, Viện khoa học pháp lý, Nxb Tư pháp và NXB Từ điển bách khoa, tr701
7. Nguyễn Văn Hiến (1999), *Vấn đề giới hạn xét xử của Tòa án nhân dân*, Tạp chí tòa án nhân dân số 8
8. Mai Thanh Hiếu (2008), *Thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm trong tố tụng hình sự*, Tạp chí luật học số 7, tr 17 – 24
9. Mai Thanh Hiếu, Nguyễn Chí Công ( 2008), *Trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hình sự*, Nxb Lao động – xã hội
10. Nguyễn Văn Huyền (2002), *Thẩm quyền của Tòa án các cấp theo luật TTHS Việt Nam*, Luận án tiến sỹ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội;
11. Nguyễn Văn Huyền, Lê Lan Chi (chủ biên), (2016), *Bình luận khoa học BLTTHS năm 2015*, Nxb. Lao Động, Hà Nội;
12. Vũ Gia Lâm ( 2006), *Hoàn thiện một số quy định về xét xử phúc thẩm hình sự nhằm thực hiện có hiệu quả nguyên tắc hai cấp xét xử*, Tạp chí TAND số 23;

13. Vũ Gia Lâm ( 2008), *Nguyên tắc hai cấp xét xử trong TTHS Việt Nam*, Luận án tiến sỹ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội;
14. Vũ Gia Lâm (2009), *Một số vấn đề về phạm vi xét xử và quyền hạn của HĐXX phúc thẩm vụ án hình sự*, Tạp chí TAND số 18;
15. Ưông Chu Lưu (2004), *Bình luận khoa học BLHS Việt Nam năm 1999*, Nxb Chính trị Quốc gia;
16. Nguyễn Đức Mai (2004), *Phúc thẩm trong Tố tụng hình sự*, Luận án tiến sỹ luật học, Viện nghiên cứu Nhà nước và pháp luật;
17. Phan Thị Thanh Mai ( 1998), *Phúc thẩm trong TTHS Việt Nam*, Luận văn thạc sỹ luật học, trường Đại học Luật Hà Nội;
18. Phan Thị Thanh Mai (2003), *Bàn về nguyên tắc không làm xấu hơn tình cáo trạng của bị cáo*, Tạp chí luật học số chuyên đề 3;
19. Phan Thị Thanh Mai ( 2006), *Giám đốc thẩm trong Tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sỹ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội;
20. Nghị quyết 05/2005/NQ – HĐTP ngày 08/12/2005 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ tư “ Xét xử phúc thẩm” của BLTTHS năm 2003;
21. Đỗ Thị Phượng ( 2006), *Về việc áp dụng Điều 306 Bộ luật TTHS năm 2003*. Tạp chí Luật học số 12;
22. Quốc hội, (2016), Nghị quyết số 144/2016/QH13 về việc lùi hiệu lực thi hành của BLHS số 100/2015/QH13, BLTTHS số 102/2015/QH13...và bổ sung dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS số 100/2015/QH13 vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2016 , Hà Nội.
23. Quốc hội, (2013), Hiến pháp năm 2013, Hà Nội.
24. Quốc hội, (1999) Bộ luật hình sự năm 1999, Hà Nội.
25. Quốc hội, (2015) Bộ luật hình sự năm 2015, Hà Nội.
26. Quốc hội, (1999), *Bộ luật hình sự năm 1999*, Hà Nội.
27. Quốc hội, (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, Hà Nội.

28. Quốc hội, (2015), *Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Hà Nội.
29. Quốc hội, (2014), *Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014*, Hà Nội.
30. Đinh Văn Quế (1998), *Thủ tục phúc thẩm trong Luật TTHS Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc Gia;
31. Đinh Văn Quế (2005), *Pháp luật hình sự - Thực tiễn xét xử và án lệ*, Nxb Lao động – xã hội;
32. Đinh Văn Quế (2008), *Thấy gì qua một số vụ án bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm*, Tạp chí TAND số 20;
33. Đinh Văn Quế (2008), *Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng điều khoản BLHS về tội nặng hơn – những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Tạp chí TAND số 5;
34. Đinh Văn Quế (2010), *Một số vấn đề cần chú ý khi áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*, Tạp chí TAND số 4;
35. Hoàng Thị Sơn ( 1997), *Quyền hạn của Tòa án khi xét xử phúc thẩm*, Tạp chí luật học số 6, tr 31 – 34;
36. Lê Hữu Thế, Đỗ Văn Dương, Nguyễn Thị Thủy (đồng chủ biên), (2013), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của việc đổi mới thủ tục tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
37. Tòa án nhân dân tối cao (2014), *Báo cáo tổng kết công tác ngành tòa án năm 2014*;
38. Tòa án nhân dân tối cao (2015), *Báo cáo tổng kết công tác ngành tòa án năm 2015*;
39. Tòa án nhân dân tối cao (2004), *Nghị quyết của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành quy định Phần thứ ba “Những quy định chung” của BLTTHS năm 2003*, Hà Nội;
40. Tòa hình sự TANDTC ( 2009), *Một số vấn đề cần rút kinh nghiệm trong công tác xét xử các vụ án hình sự*, Tham luận tại Hội nghị triển khai công tác năm 2009 của ngành TAND

41. Tòa hình sự TANDTC ( 2008), *Trao đổi về một số sai sót trong công tác xét xử các vụ án hình sự thông qua việc xét xử giám đốc thẩm của Hội đồng thẩm phán năm 2008*, Tài liệu Hội nghị triển khai công tác năm 2009 của ngành TAND

42. Ngô Thị Trang ( 2007), *Phạm vi xét xử phúc thẩm của TAND theo Bộ luật TTHS năm 2003*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội;

43. Trung tâm từ điển học ( 1998), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng;

44. Nguyễn Văn Trọng ( 2010), *Bàn về quyền kháng cự, kháng nghị và xét xử phúc thẩm theo hướng tăng nặng đối với bị cáo*, Tạp chí kiểm sát số 01;

45. Trường Đại học Luật Hà Nội ( 2003), *Giai đoạn xét xử trong tố tụng hình sự Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường;

46. Trường Đại học Luật Hà Nội ( 2010), *Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân;

47. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Tòa án NDTC (2010), *Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT – VKSNDTC – BCA – TANDTC hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ luật TTHS về trả hồ sơ để điều tra bổ sung*;

48. Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý (1999), *Tư pháp hình sự so sánh*;

49. Võ Khánh Vinh ( 2004), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự*, Nxb Công an nhân dân;

50. Lê Thị Hồng Vinh ( 2013), *Thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm trong tố tụng hình sự*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội